

THƯỢNG THƯ NGUYỄN HỮU BÀI

Nguyễn Hương

Mây nước mây lần đà lỏi hẹn
Vẻ vang có thể được lòng sau.
N.H.B.

Thay lời mở đầu

Năm 1965, tác giả bài này biên soạn tiểu sử Phước Môn Nguyễn Hữu Bài nhân dịp 30 năm vị đại thần Nam Triều qua đời tại Huế.

Năm 1965 đồng thời cũng là kỷ niệm 30 năm linh mục Hồ Ngọc Cảnh được tấn phong giám mục, vị giám mục đầu tiên gốc địa phận Huế, đã chủ tế lễ quy lăng Phêrô-Giuse Nguyễn Hữu Bài tại Quảng Trị.

Nguyễn Hữu Bài --1863-1935, đăng trên Văn Hóa Nguyệt San. Sài Gòn. 1965, từ đó về sau được nhiều tác giả trích dẫn làm tài liệu biên khảo.

TSH số đặc biệt 2000, kỷ niệm 150 năm thành lập Địa Phận Huế, cơ hội để nhắc lại một giáo hữu đã để lại nhiều công nghiệp tại địa phận nhà: Quận Công Phước Môn Nguyễn Hữu Bài. Chủ đích là như vậy. Nhưng vì lý do kỹ thuật, số trang hạn hẹp, TSH không thể đăng tải toàn bộ, mà chỉ ngăn ngừa được một trang cuối bài “Căn Cứ Tân Sở”, gọi là vinh họa thêm địa danh Cù, Cam Lộ, Tân Sở trong thơ Nôm Phước Môn.

Vì sự thiếu sót “chẳng-đặng-đừng” ấy, TSH số này có bài bạn đọc lâu nay đòi hỏi và chờ đợi. Trích đăng lại từ Văn Hóa Nguyệt San. Sài Gòn. 1965, TSH giữ nguyên bản văn cũ, ngoại trừ thêm phần Chú Thích xét cần thiết và hữu ích đối với bạn đọc thế hệ trẻ ở nước ngoài. Thêm vào đó, có đoạn nhắc lại lần gặp gỡ vua tôi lần đầu tiên: Hoàng Đế Bảo Đại, vị tân quân vừa hồi loan đang tập sự cầm quyền và vị lão thần Cố Vấn Nguyên Lão Nguyễn Hữu Bài. Phần này, phải nói ngay rằng trước nay chưa ai biết, trích dẫn từ tác phẩm xuất bản năm 1990: “Bảo Đại: Con Rồng Việt Nam”.

Bài viết cũ, được bổ túc thêm bằng tài liệu mới do chính nhân vật trong cuộc và chứng nhân lịch sử thời đại là Cựu Hoàng Bảo Đại ghi lại, thiết nghĩ tiểu sử Quận Công Phước Môn Nguyễn Hữu Bài như vậy đã được bổ túc, đầy đủ hơn xưa.

* *

*

Ngày 28 tháng 7 năm 1935 lúc 2 giờ 30 sáng tại Huế, một hung tin không những làm xôn xao triều đình mà còn gây bùi ngùi xúc động dân chúng trong nước: Phước Môn Quận Công Nguyễn Hữu Bài tạ thế.

Nguyễn đại thần mất, cuộc đời và sự nghiệp tiên sinh bao trùm cả một giai đoạn lịch sử mấy mươi năm trong đó nổi bật nhất lòng yêu nước, khí tiết hào hùng trượng phu xứng đáng với lòng ngưỡng mộ của quần chúng.

Xuất thân chỉ là một sĩ nhân, một người có học thức thường, không đỗ đạt bằng nhân thám hoa, cũng không kế nghiệp cha truyền con nối chức trọng quyền cao, nhưng bằng năng lực tinh thần, bằng trí thông minh mẫn tiệp, bằng cố gắng liên tục hằng ngày, sĩ nhân ấy đã tự tạo cho mình một địa vị và sự nghiệp sáng lạn được lịch sử ghi chép và hậu thế nhắc nhở còn hơn bằng vàng bìa đá.

“...Có một điều không ai có thể phủ nhận là trong lịch sử nước nhà từ cuối thế kỷ 19 đến nửa thế kỷ 20, trong giới quan lại Nam Triều lúc bấy giờ không ai nổi tiếng bằng Quận Công Nguyễn Hữu Bài.

Ông Nguyễn Hữu Bài nổi tiếng không phải vì chức trọng quyền cao, mà nổi tiếng vì trong lúc đương thời khi vận nước suy đồi vì ách đô hộ ngoại quốc, làm kẻ trong giới quan lại chỉ biết xu nịnh chính quyền Bảo hộ, riêng một mình Quận Công Nguyễn Hữu Bài, đã tỏ ra vững vàng với tinh thần quốc gia, dám đương đầu với người Pháp và giữ vững được những đức tính liêm sỉ phong nhã của một vị quan chức thẩm nhân Nho học.

Ông Nguyễn Hữu Bài nổi tiếng vì đã tiêu biểu cho thế hệ giao thời lúc bấy giờ đang giữa hai nguồn ảnh hưởng tư tưởng Đông-Tây. Đáng chú ý là đối với ông, sự hấp thụ ảnh hưởng văn minh mới không làm cho mình mất căn bản Khổng Mạnh và tâm hồn Nho học truyền thống.”

Nhận xét trên của cụ Nguyễn Thúc, một danh nho đất Thần Kinh, tác giả tập: “Thơ Nôm Phước Môn” (1) đã phản ánh những nét chính thân thế và sự nghiệp Nguyễn Hữu Bài: một cuộc đời ngoại hạng, nhà chính trị dũng khí trong những ngày tàn của triều đại đã nêu cao được tinh thần bất khuất của nòi giống.

Nguyễn Hữu Bài, vị nho học đạo đức suốt đời được dân chúng kính mến, một giáo hữu nhiệt tình với Đức Tin, bằng đủ mọi cách và trong mọi trường hợp biểu lộ được đức Ái tuyệt vời của đạo giáo mình, một tâm hồn thơ văn tế nhị và phóng khoáng tiêu biểu cho tinh thần Quốc Gia và Dân Tộc.

Từ viên Thừa Phái đến chức Thượng Thơ

Theo tôn phả Nguyễn triều, thủy tổ của Nguyễn Quận Công Phước Môn là vị đệ nhất công thần đời Lê, Nhị Khê Hầu Nguyễn Trãi (1380-1442) quê quán tại Quý Hương (Thanh Hóa), một dòng họ sau này đã khai sinh nhiều danh nhân lịch sử trong các triều đại Lê, Nguyễn. Từ văn quan như Nguyễn Đức Trung (tức Trịnh Quốc Công), Nguyễn Hữu Vinh (tức Hằng Quốc Công), Nguyễn Hữu Đạt (tức Tùng Dương Hầu) đến võ tướng như Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Hữu Quỳnh (2).

Mấy mươi đời sau, đời về Quảng Bình và đến thế hệ cụ thân sinh là Nguyễn Hữu Các, lui về lập nghiệp ở Quảng Trị. Tâm bia đặt tại phần mộ ở xứ Kim Sen do Nguyễn Hữu Bài soạn bằng chữ Hán có đoạn ghi như sau:

... “Tổ hý (Nguyễn Hữu Đai) nhánh thứ hai họ ta; ngày xưa cao-tổ-khảo ta ở thôn Mỹ Hương, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, sinh ba trai. Trưởng là tăng tổ bá (hý Doãn), út là tăng tổ thúc (hý Ba) di cư vào xứ Kim Long, tổng Phú Xuân, tỉnh Thừa Thiên, sanh hạ hai trai, tổ ta là con trưởng.

Sau tổ ta phối với tổ mẫu, người làng Di Luân tỉnh Quảng Trị, sinh được một trai là ông thân ta. Nghiệp nhà làm thuốc, tổ ta lúc tuổi trẻ sẵn có chí du lịch giang hồ xứ Kinh, xứ Nam, xứ Trung và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, đi chơi gần khắp. Đến đâu cũng lấy nghề thuốc thang làm kế sanh nhai, thêm làm ruộng nên giàu có của đến dư vạn. Nhưng ở chỗ nào làm ra tiền bạc bao nhiêu thời cho họ hàng chỗ ấy quản nhiệm, chẳng để dành cho con cháu chút gì cả.

Đến ngày mỗi chân, về làng lo sự dưỡng lão. Khi qua đời, thân sinh ta còn nhỏ. Tổ ta nghĩ rằng xứ Kim Sen mình đã lập ra ấp hiệu nên táng tại chỗ ấy” (3).

Nguyễn Hữu Bài sinh ngày rằm tháng 8 năm Quý Mão (28-9-1863) tại làng Cao Xá, tổng Xuân Hòa, phủ Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Mẹ côì cha từ nhỏ, năm 10 tuổi cậu bé Nguyễn Hữu Bài vào học tại chủng viện An Ninh. Học giỏi và thông minh, mấy năm trời dưới mái trường chủng viện Nguyễn Hữu Bài được ban giáo sư để ý, hy vọng sau này sẽ thành tài đạt đức. Đức cha Gaspar vì thế gọi cậu chủng sinh đầy tương lai ấy sang học đại chủng viện Pénang. Cũng như ở quê nhà, chủng sinh Nguyễn Hữu Bài càng học hỏi nhiều càng tỏ ra xuất sắc hơn người. Gần mười năm ở Pénang đã đào tạo cho cậu Bài một căn bản học văn và đạo đức vững chắc. Nhưng không được ơn thiên triệu, hết thời hạn đèn sách, cậu trở về nước.

Biến chuyển chính trị trong những năm cuối cùng đời vua Tự Đức, giặc giã loạn ly đã làm đảo lộn bao nhiêu dự tính, trong đó có cuộc đời người trai trẻ Nguyễn Hữu Bài vừa chân ướt chân ráo trở về quê hương.

Mới 20 tuổi (năm Tự Đức thứ 36) Nguyễn Hữu Bài được triều đình tuyển bổ làm Thừa Phái nha Thương Bạc, cơ quan vừa thành lập đặc trách công việc giao thiệp với Pháp. Còn bỡ ngỡ trong trường đời, nhưng nhờ bản chất thông minh, lại có khiếu năng quan sát nhận xét thâm trầm, ăn nói nhã nhặn và đứng đắn trong công việc ngoại giao hàng ngày, viên Thừa Phái Nguyễn Hữu Bài đã rút tĩa được ở đây nhiều kinh nghiệm cần thiết sau này.

Tình hình đất nước mỗi ngày một rối ren, vua Tự Đức băng hà, vua Hàm Nghi lên ngôi chưa được bao lâu rồi thất thủ kinh đô, nhà vua xuất bôn và chiến tranh loạn lạc tan tác... Mọi công việc hành chánh, ngoại giao đình chỉ, viên Thừa Phái trẻ tuổi thôi việc trở về nhà như một số đồng quan chức khác. Ngày 19-9-1885 vua Đồng Khánh lên ngôi, các công sở lần hồi mở cửa hoạt động lại. Nguyễn Hữu Bài trở về với nhiệm sở cũ, lần này lãnh chức Ký Lục kiêm Thông Sự (4).

Càng đảm đương việc lớn càng tỏ ra đại dụng, người viên chức của nha Thương Bạc năm sau (1886) vì thế được cử đi thương nghị cùng phái bộ quân sự Pháp về vấn đề phân định biên giới Bắc Kỳ tiếp giáp với Trung Hoa (5).

Sau gần 10 năm công vụ tại miền Bắc, trở về Huế chưa được bao lâu thì đầu năm 1896 Nguyễn Hữu Bài được vinh thăng Hồng Lô Tự Thiếu Khanh và tháng 2 năm 1897 thăng Hồng Lô Tự Khanh. Tháng 11 cùng năm ấy thăng Ngự Tiền Thông Sự, Nguyễn Hữu Bài hộ giá vua Thành Thái trong chuyến tuần du miền Nam.

Làm Bộ Chánh Thanh Hóa chưa được một năm thì tháng 6 năm 1899, Nguyễn Hữu Bài được chuyển về Kinh lãnh chức Thị Lang bộ Lại, kiêm Tham Tá viện Cơ Mật. Tài ba năng lực càng ngày càng tỏ rõ trong công vụ, tháng 7 năm 1901 ông được gia hàm Tham Tri (inscrit au tableau Tham-Tri) và đến tháng 10 năm ấy lên thực thụ Tham Tri (Vice ministre) bộ Hình kiêm Tổng Lý (Secrétaire Général) viện Cơ Mật.

Tháng 2 năm 1902, Tham Tri bộ Hình Nguyễn Hữu Bài được cử đi Pháp công cán. Trở về nước mấy tháng sau, ông trở lại chức Tham Tri và Tổng Lý viện Cơ Mật như cũ.

Tháng 6 năm 1906 ông Nguyễn Hữu Bài chính thức nhậm chức Thượng Thư bộ Công sung Cơ Mật Viện đại thần và năm sau kiêm nhiệm “Bình bộ sự vụ”.

Nhớ lại hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ. Mới 8 tuổi, vua Duy Tân lên ngôi ngày 28 tháng 7 năm Đinh Mùi (20-9-1907). Một Hội Đồng Phụ Chánh do người Pháp sắp đặt và lựa chọn được thành lập để “trông coi việc nước”. Ngoài vị chủ tịch là Phụ Chánh thân thần An Thành Vương Miên Lịch, các hội viên gồm có Phụ Chánh đại thần kiêm Cơ Mật Viện Trưởng Lại bộ Thượng Thư Trương Như Cương; Lễ bộ Thượng Thư, Lê Trinh; Hộ bộ Thượng Thư, Huỳnh Côn; Binh bộ Thượng Thư, Vương Duy Trinh; Hình bộ Thượng Thư, Tôn Thất Hân; và Nguyễn Hữu Bài, Công bộ Thượng Thư. (Một thời gian sau triều đình Huế có thêm bộ Học, Thượng Thư Cao Xuân Dục).

Hội Đồng Phụ Chánh tuy buổi đầu tiên do người Pháp lựa chọn và sắp đặt, nhưng vẫn còn đôi chút quyền uy và chính thống. Lần hồi dưới áp lực của người Pháp, Viện Phụ Chánh chỉ còn là cơ quan thừa hành quyết định của viên Khâm Sứ, theo thứ tự thời gian kể từ Khâm Sứ Lévecque, Groleau, Sestier, Charles, Mahé, và Charles (nhiệm kỳ hai, 1913-1914) ...

Bị lấn áp và tước đoạt gần hết thực chất thực quyền, đình thần một số ngã theo người Pháp “triều đình núp bóng cờ ba sắc” như trường hợp Trương Như Cương. Một số khác qua kinh nghiệm vua Thành Thái trở nên lừng lơ thụ động, cuối cùng buông xuôi theo thời cuộc.

Làm sao quên được biến cố ngày 2-9-1907 khi vua Thành Thái bắt buộc phải thoái vị!

Cả triều đình im lặng tuân theo quyết định của Toàn Quyền Paul Beau và Khâm Sứ Ferdinand Lévecque. Duy nhất và độc nhất một người, với sĩ khí nho phong hiêm hoi của thời đại còn lại,

Thị Vệ đại thần Ngô Đình Khả đứng lên phản đối. Kết thúc sau cùng là nhận lãnh hậu quả phải xảy đến: cụ Ngô Đình Khả bị người Pháp quy tội dù điều, kể cả tội “không xứng đáng với chức vụ”. Vị triều thần trọng nghĩa khí, coi thường công danh là Ngô Đình Khả bị giáng cấp xuống hàng Ân Sát, cho về hưu trí tại nguyên quán Quảng Bình mà không được cấp hưu bổng.

Hoàn cảnh tâm lý chính trường như vậy, còn mấy ai thiết tha đến công việc triều đình, đến vận nước nguy nan để tận tâm tận lực với vị ấu quân hy vọng đổi thay thời cuộc !

Những năm đầu tiên triều đại Duy Tân chưa có gì gọi là biến cố. Chỉ về sau, thời Khâm Sứ Mahé (1912-1913) và Charles (1913-1914) mới xảy ra nhiều việc, đáng kể nhất việc tìm vàng bạc châu báu từ chốn hoàng cung lên đến tận lừng tằm núi rừng xa xôi.

Nước loạn mới biết tôi trung. Trong nghịch cảnh của thời thế, tên tuổi Nguyễn Hữu Bài nổi bật từ đây.

Trong buổi họp Hội Đồng Thượng Thơ cuối năm 1912, Khâm Sứ Mahé cho biết ý định đào lãng vua Tự Đức lấy vàng bạc châu báu, viện lý do có thêm phương tiện tài chánh cho ngân sách Nam triều. Cả triều đình nín lặng, không ai nói năng gì. Duy chỉ có Thượng Thơ bộ Công đồng dạc đứng lên phản đối đề nghị này viện lẽ theo truyền thống phong tục Việt Nam, kính trọng người chết là một nghĩa vụ và bổn phận của người sống. Đào mã tức là xâm phạm đến vong linh người chết sẽ gây náo động nhân tâm, thương tổn đến lễ nghi và thể thống triều đình. Cử chỉ hào hùng, lời lẽ khiêm tốn nhưng vững vàng cương trực của Thượng Thơ Nguyễn Hữu Bài đã làm Khâm Sứ Mahé bực mình. Tuy kết cục vẫn không ngăn cản được hành động tham tàn của đối phương, nhưng tư cách, thái độ ấy đã để lại tiếng thơm muôn đời: “lãng Tự Đức còn bia thiên vạn cổ”, lời cụ Phan Bội Châu ghi lại sau này (6).

Dân chúng vốn sẵn cảm tình với cụ “Thượng Bài”, từ đó càng thêm ngưỡng mộ kính mến. Càng lâu họ càng thấy rõ vị trung thần lương đồng ấy, lên đến tột đỉnh danh vọng không phải vì a dua nịnh bợ tầm thường như một số quan lại đương thời mà chính vì tài đức, năng lực tinh thần thật sự.

Việc “đào mã” xảy ra làm dân chúng miền Trung nhớ lại một sự việc khác trước đây, khi vị đại thần Ngô Đình Khả một mình trước Hội Đồng Cơ Mật đứng lên phản kháng người Pháp, không chịu truất phế vua Thành Thái, từ đó ghép hai sự kiện lịch sử thành câu tục ngữ:

Đào vua không Khả

Đào mã không Bài

tỏ lòng biết ơn những người đã không sợ cường quyền bạo lực, nhất quyết một lòng bảo vệ thể thống quốc gia.

Đất nước rằng không người phỉ cách

Non sông dễ thiếu khách tài hoa.

(N.H.B.)

Thăng Hiệp Tá Đại Học Sĩ tháng 3 năm 1909, Thượng Thơ Nguyễn Hữu Bài sau đó được tấn phong Phước Môn Tử (Vicomte de Phước Môn).

Tám tháng sau ngày vua Khải Định lên ngôi (tháng 9 năm 1916) ông được phong Phước Môn Bá (Comte de Phước Môn). Không đầy một năm sau, tháng 3 năm 1917, tướng thường công lao vị lão thần đây công lao với các bậc tiên đế, vua Khải Định sắc phong Phước Môn Bá Nguyễn Hữu Bài tước vị Thái Tử Thiếu Bảo.

Tháng 5 năm 1917, Thượng Thơ bộ Lại Trương Như Cương và Hình bộ Thượng Thơ Huỳnh Côn đáo hạn tuổi cùng về hưu. Triều đình Huế được tổ chức lại, lần này do Hình bộ Thượng Thơ Tôn Thất Hân, Cơ Mật Viện Trưởng đứng đầu. Các vị triều thần khác gồm có Nguyễn Hữu Bài, Thượng Thơ bộ Lại kiêm bộ Hộ; Đoàn Đình Duyệt, Thượng Thơ bộ Công kiêm bộ Binh và Hồ Đắc Trung, Thượng Thơ bộ Lễ kiêm bộ Học.

Một triều đình thu hẹp với chức quyền hạn hẹp.

Đông Các điện Đại Học Sĩ Nguyễn Hữu Bài lúc này một mình phụng chức hai bộ, Thượng Thơ bộ Lại kiêm bộ Hộ, một nhân vật trở thành quan trọng trong Hội Đồng Cơ Mật. Năm 1922 (ngày 24 tháng 4 âm lịch) Nguyễn Hữu Bài được cử làm Hộ Giá đại thần sang Pháp, lần này đi theo vua Khải Định có cả Đông Cung Hoàng Thái Tử.

Trong chuyến công du này, ông được phó thác một công vụ quan trọng, phụ tá Việt Nam Hoàng Đế điều đình với chính phủ Pháp giao trả Bắc Kỳ lại cho triều đình Huế theo đúng tinh thần Hiệp Ước 1884. Cuộc điều đình với Pháp không thành công, nhưng bù lại ông Nguyễn Hữu Bài đã mang về cho triều đình Huế một thắng lợi ngoại giao: sang tận La Mã điều đình việc thiết lập bang giao với Tòa Thánh Vatican.

Nhân danh triều đình Huế, vị Khâm Mạng đại thần thỉnh cầu Đức Giáo Hoàng thiết lập chức Khâm Sứ Tòa Thánh tại Việt Nam. Lời thỉnh cầu này phản ánh tinh thần tự chủ của triều đình mà ông là đại diện, đồng thời bày tỏ nguyện vọng của gần hai triệu giáo dân Việt Nam. Một nguyện vọng phù hợp với chủ trương của Tòa Thánh muốn bang giao với các nước Đông Dương qua hệ thống Tông Tòa. Sở dĩ trong mấy trăm năm trước, việc này chưa thực hiện được vì tình trạng bách hại tôn giáo liên tiếp xảy ra và gần đây vì chính quyền Bảo hộ muốn làm cản trở chậm trễ.

Công việc chuẩn bị, kể cả việc điều đình khó khăn với người Pháp kéo dài gần 3 năm. Ngày 20-5-1925, Đức Giáo Hoàng Pie XI ký sắc chỉ thành lập văn phòng Khâm Sứ Tòa Thánh tại miền Đông Dương và Thái Lan (7).

Một mẫu người yêu nước.

Trở về nước, tháng 2 năm 1923 ông được thăng Tể Tướng Thái Phó, Vô Hiển điện Đại Học Sĩ, Cơ Mật Viện Trưởng đại thần.

Trong sắc dụ tấn phong, có đoạn tuyên dương công trạng như sau tỏ rõ sự kính trọng của triều đình đối với ông đến bậc nào:

Phiên âm:

Thái Tử Thiếu Bảo, Đông Các Đại Học Sĩ quản lãnh Lại bộ Thượng Thơ kiêm chương Hộ bộ sự vụ, sung Cơ Mật Viện đại thần kiêm quản văn thần Phò Mã, Phước Môn Bá Nguyễn Hữu Bài (có 2 chữ tiếp theo bị nhòe vì con dấu đóng lên không đọc được, xem phóng ảnh kèm theo) nhiều sung tư cách, tính năng thâm thận, nhi thả đạt thức thời cơ.

Trẫm từng quy Dụ phá giác tuân tuần, khả vị văn niên tiến đức. Trứ chuẩn gia Thái Tử Thiếu Phó đình kiêm Hộ bộ nhưng lĩnh Lại bộ Thượng Thơ sung Cơ Mật viện Viện Trưởng, đại thần Phò Mã khanh ký tận tâm nãi chức dĩ bật Trẫm cung kỳ thứ sự hàm hi dĩ ủy Trẫm nhi lai chi tri ngô.

Dịch nghĩa:

“Phước Môn Bá Nguyễn Hữu Bài, Thái Tử Thiếu Bảo, Đông Các Đại Học Sĩ, quản lãnh Lại bộ Thượng Thơ kiêm bộ Hộ, sung Cơ Mật Viện đại thần kiêm quản văn thần Phò Mã, tước Phước Môn Bá, chính trị đã đủ tư cách, tính tình lại thâm thận, suốt biết thời cơ.

Trẫm từng ban chỉ Dụ dặn dò và biết nơi theo, đáng là bậc tuổi già mà đức tiến. Nay chuẩn thăng Thái Tử Thiếu Phó thôi kiêm chức Hộ bộ, vẫn giữ chức Lại bộ Thượng Thơ sung Viện Trưởng Cơ Mật, kiêm quản chức văn thần Phò Mã. Khanh nên hết lòng với chức vụ, giúp đỡ Trẫm thế nào cho mọi việc đều nên tốt đẹp để thỏa lòng tri ngộ của Trẫm gần đây.”

Nhiệm vụ khó khăn tế nhị lần nữa đặt trên vai vị đại thần triều Nguyễn. Vừa ôn hòa nhưng quả quyết và cương trực khi phải đối phó với người Pháp, mỗi lần thấy họ có ý muốn xâm lấn vào nội bộ Nam triều. Vừa khôn khéo để làm sao giữ được hòa khí trong giới quan lại nhiều người không cùng chí hướng với mình. Bằng đạo đức, bằng tấm lòng nhiệt thành, ông đã giữ vững được thể thống và giềng mối quốc gia trong những hoàn cảnh vô cùng khó khăn do thời cuộc tạo nên.

Năm 1925, nhà cách mạng Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải đưa về nước. Trước làn sóng

ủng hộ cuồng nhiệt của quần chúng, người Pháp phải ra lệnh ân xá để làm êm dịu tình hình. Toàn Quyền Varenne vào Huế họp Hội Đồng Cơ Mật với thâm ý muốn mượn tay Nam Triều giam giữ chí sĩ Phan Bội Châu:

Dân chúng trong Nam và ngoài Bắc vận động xin ân xá cho ông Phan Bội Châu, vậy ý kiến Nam Triều thế nào và nếu đem ông Phan về Huế, Nam Triều sẽ đối xử ra sao?

Biết rõ mưu sâu của Toàn Quyền Varenne, ông Nguyễn Hữu Bài điềm nhiên trả lời:

Chính phủ Pháp muốn ân xá, Nam Triều chúng tôi rất tán thành ý kiến đó. Còn ông Phan Bội Châu nguyên trước đây là một vị Cử Nhân, nay về nước sẽ giữ địa vị cũ. Ông Phan Bội Châu sẽ được triều đình chúng tôi đối xử như các vị cử nhân khác ở Trung, Bắc Kỳ.

Như một gáo nước lạnh đổ vào người Toàn Quyền Varenne, câu trả lời khiêm tốn nhưng khôn khéo của vị đại thần họ Nguyễn đã làm hỏng mưu định của người Pháp. Toàn Quyền Varenne tuy bực tức nhưng bên trong không khỏi thâm kính phục thái độ cương trực, quả cảm của người đối thoại.

Từ tháng 10 năm 1925, sau ngày vua Khải Định băng hà và Đông Cung Thái Tử còn du học ở Pháp, một mình ông giữ trọng trách Cơ Mật Viện Trưởng cùng với ông Tôn Thất Hân (về hưu từ năm 1923) được chọn làm Phụ Chánh thân thần.

Triều đình Huế lúc này ngoài Phụ Chánh Tôn Thất Hân, các đình thần khác gồm có Hồ Đắc Trung, Thượng Thơ bộ Học kiêm bộ Lễ; Phạm Văn Thụ, Thượng Thơ bộ Hộ kiêm bộ Binh; Võ Liêm, Thượng Thơ bộ Công và Trần Đình Bách, Thượng Thơ bộ Hình.

Một nội các quá khiêm nhường trong một giai đoạn tế nhị chờ đợi nhiều chuyển biến khó khăn. Người Pháp muốn nhân cơ hội này xen lẫn nhiều hơn nội bộ Nam Triều, nhưng họ đã gặp một đối thủ khó lung lạc là Tổng Lý Nội Các Nguyễn Hữu Bài.

Không đấu tranh chống Pháp bằng võ lực như một số các lãnh tụ cách mạng hay đảng phái chủ trương; nhưng với lý tưởng quốc gia và tinh thần dân tộc cao cả, bằng ngôn hành tâm lực và trí lực, Nguyễn Hữu Bài trực diện đương đầu với người Pháp trong những biến cố lịch sử nguy nan, ảnh hưởng tinh thần còn truyền lại đến ngày nay.

Gọi đây là phương pháp ôn hòa, là chủ trương thỏa hiệp hay bằng thuật ngữ chính trị nào đi nữa, điều mọi người đều nhìn nhận là với đường lối ấy, muốn đạt được chủ đích phải có một niềm tin vững vàng nơi chính nghĩa mình đeo đuổi, một tâm hồn cương trực và lòng quả cảm nhiệt thành cao độ.

Trở lại hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ. Phong trào Cần Vương cuối cùng tan rã sau cái chết của Phan Đình Phùng. Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân không thành. Ách đô hộ Pháp càng ngày càng siết chặt gọng kềm cai trị và kiểm soát.

Bắt buộc phải sống chung vì không còn đường lối nào khác hơn. Nhưng sống chung mà “đồng sàng dị mộng”, Việt Nam và nước Pháp mỗi bên một đường hướng, một lập trường riêng biệt. Gọi là thỏa hiệp, cũng được! Vì đây là giải pháp phải tạm thời chấp nhận để khai mở dân trí, cải cách duy tân, chờ đợi vận hội mới nước nhà tự do, tự chủ trong tương lai. Đây cũng là sinh lộ các nhà cách mạng đương thời như Phan Châu Trinh, như Huỳnh Thúc Kháng đang chọn lựa sau nhiều kinh nghiệm đấu tranh và thất bại.

Kiến tướng sôi nổi nhất của chủ trương chống Pháp bằng bạo lực là tiền bối Phan Bội Châu, sau này tại Bến Ngự (1926-1940) cũng đành thúc thủ nhìn thời cuộc. Chỉ còn “Mình Với Bóng” (8) ngày ngày với chiếc đèn bên cây sung trước mặt nhà, chí sĩ Phan Sào Nam trở lại với hồn thơ “Năm chung không năm” cảm hứng từ câu hát dân gian:

Ăn sung ngồi gốc cây sung

Lấy anh thì lấy, năm chung không năm...

Tâm sự chất chua ai mua mà bán; rao khắp chợ đời không thấy dạng người mua (9)!

Tình cảnh, tâm sự chất chua cô thiếu nữ phải nhận làm chồng, phải sống chung với một người

không hề quen biết, nếu không nói là thù nghịch!

Cùng nghịch cảnh trở trêu như người thiếu nữ trong câu ca dao, tâm sự nhà cách mạng chống Pháp lúc này tại Bến Ngự!

Cùng chung tâm sự, nhưng hệ lụy chất chua hơn trong chính trường đang tàn tạ, cụ Thượng Bài ngày ngày qua lại trên dòng sông Bến Ngự có con đò, có gốc cây sung nơi nhà cụ Phan.

Khác nhau về hoàn cảnh nhưng cùng chung tâm sự, hai người quá hiểu biết nhau như lời cụ Phan sau này ái điệu cụ Bài “vào triều ra quận ruột đau đòi, khôn phơi sạch để ai xem...”

Tâm sự “nằm gốc cây sung”, trở thành nội dung bài thơ do cụ sáng tác:

Thời thế xui nên giả vợ chồng

Lấy anh chưa dễ đã nằm chung.

Ừ, chơi với nó toi đồng bạc

Thật chẳng cho ai nếm má hồng!

Cười gượng lắm khi che nửa mặt

Khóc thầm một nỗi khác hai lòng!

Bao giờ duyên cũ thay duyên mới

Thỏa thuận cùng nhau tát biển đông (10).

Ngoài tâm sự “nằm chung không nằm” của cụ Phan Bội Châu và cụ Nguyễn Hữu Bài, bài thơ trên làm nhớ lại hoàn cảnh triều đình Huế trong khoảng thời gian này.

Vua Khải Định vừa mới mất (6-11-1925), Khâm Sứ Pasquier áp lực Hội Đồng Phụ Chánh ký Thỏa Ước 6-11-1925, chuyển giao tất cả quyền lực chính trị, hành chính và tư pháp qua tay người Pháp.

Mang trách nhiệm Phụ Chánh đại thần, Thượng Thơ bộ Lại Nguyễn Hữu Bài không thể nào không phản đối. Mặc dù vậy, dưới áp lực nặng nề của bộ máy đô hộ, cuối cùng triều đình Huế chấp nhận. Đứng đầu Nam Triều, Phụ Chánh thân thần Tôn Thất Hân và Tôn Nhơn Phủ đại thần Tôn Thất Trạng, tiếp đến Tổng Lý Nội Các Nguyễn Hữu Bài và các Thượng Thơ Hồ Đắc Trung, Võ Liêm, Trần Đình Bách, Phạm Văn Thụ. Về phía Pháp, Xử Lý Thường Vụ Toàn Quyền Monguillot.

Một vương quyền đã hạn hẹp lại bị tước đoạt thêm quyền lực cuối cùng, từ nay chỉ còn thu hẹp trong một Thỏa Ước vòn vẹn với 3 Điều. Quan trọng nhất Điều I: hành chính, chính trị, nội an, tư pháp, từ nay nằm trong tay người Pháp.

Vẫn chưa thôi, người Pháp còn muốn chỉ huy, kiểm soát nhiều hơn. Trong một buổi thương nghị, Khâm Sứ Aristide Le Fol điều trần: “Theo Thỏa Ước 6-11-1925 Khâm Sứ Trung Kỳ chủ tọa Hội Đồng Thượng Thơ, có quyền ra chỉ thị thi hành các việc “. Phản đối ý định trên của A. Le Fol, Viện Trưởng viện Cơ Mật Nguyễn Hữu Bài thân nhiên đáp lại không chút nhượng bộ:

“Hiệp ước nói trên chỉ là tạm ước lâm thời áp dụng trong khi vua Bảo Đại còn du học, mà không phải là luật lệ, hiến pháp của Nam Triều. Việt Nam là một nước quân chủ, chỉ có Vua mới có quyền ra sắc dụ, ban hành luật lệ mà thôi. Chức vụ Khâm Sứ đại diện nước Pháp, nếu muốn, có thể “xem chừng” công việc của Nam Triều, nhưng không có quyền ra lệnh cho Hội Đồng Thượng Thơ. Nay viện Cơ Mật đã có Viện Trưởng đại thần là vị chủ tọa Hội Đồng, lẽ đâu lại nhường địa vị ấy cho Khâm Sứ...”

Đôi đáp thẳng thắn chắc nịch với viên Khâm Sứ Trung Kỳ trong những lần hội thương đã như vậy, qua công văn giấy tờ giao dịch hằng ngày Thượng Thơ Nguyễn Hữu Bài còn tỏ rõ hơn nhân cách xứng đáng người đại diện Nam Triều. Đọc lại lời Sớ tháng 3 năm 1932 kháng nghị người Pháp dưới đây về việc đặt thêm chức Hội Lý Viện Trưởng viện Cơ Mật, độc giả sẽ hiểu rõ thêm tinh thần bất khuất và cương trực của Cơ Mật Viện Trưởng Nguyễn Hữu Bài.

Phiên âm:

Phúc (Tây bản niên tam nguyệt nhị thập cửu nhật, đệ nhất bách tam thập nhất hiệu), tự đăng ý thần thận vi sá dị bất tri duyên hà nhi quý Tòa hữu thử ngộ nhận.

Thả thần phụng tiên đế giản vi Cơ Mật Viện Trưởng đại thần, phụng hữu minh Dụ thương tính, phụng biệt cấp kim bài, thập niên lai trung ngoại diệc dĩ công nhận. Tự lai quý Tòa vô thiết Viện Trưởng Hội Lý chi chức. Cận nhật giam hữu kiến trước vu văn thư nhi vô kiến tiên thương dữ thần viện hà từ, thần dĩ vi hữu ngại thích văn bất tiện nhi diệc hữu khuy triều đình thể thống.

Trí hữu tái phúc thư (Tây bản niên tam nguyệt tam thập nhật, đệ tam bách tam thập thất hiệu) tường tự thỉnh đình thiết giá Viện Trưởng Hội Lý chi chức vi hợp.

Triết cảm cụ tấu tính phụng sao nguyên quý Tòa thư tịnh thần phúc thư (Pháp văn) hữu sao đình nguyên tiết thứ Dụ chỉ văn thư đồng đệ phụng tiến hầu phụng động giám tái khoan. Chi tiết thần thỉnh lãnh phụng diện tấu cần phụng tính tự.

Nguyễn Hữu Bài, phụng thảo duyệt

Dịch nghĩa:

Phụng xét thêm chức giữ chức Cơ Mật Viện Trưởng đã hơn mười năm và quý Tòa không hề có chức Viện Trưởng Hội Lý bao giờ. Mấy ngày gần đây trong quý văn thư thấy có chức vụ Hội Lý; như thế có phần không tiện lại phát sinh nhiều mối nghị luận. Thỉnh cầu quý Tòa nên đình thiết chức vụ ấy là hơn.

Nay tiếp phúc tư quý Tòa trình bày mọi lẽ, do công văn số 131 ngày 29-3 dương lịch, thêm chức lấy làm ngạc nhiên không hiểu vì lẽ gì quý Tòa có sự ngộ nhận như vậy.

Thêm chức vâng chiếu đức tiên đế chọn làm Cơ Mật Viện Trưởng đại thần, có Dụ chỉ rõ ràng, có bản bạc đôi bên, có cấp riêng bài vàng, mười năm nay trong ngoài đều công nhận như vậy. Từ trước đến nay quý Tòa không đặt chức Viện Trưởng Hội Lý bao giờ. Gần đây thấy ghi chức ấy trên văn thư mà không thương lượng trước với Viện tôi một lời nào. Thêm chức ngại rằng như vậy có hại đến sự kiến văn không tiện, lại có phần làm suy giảm thể thống triều đình.

Vậy có phúc thư này, số 337 ngày 30-3, nêu rõ lý do xin đình bãi chức Viện Trưởng Hội Lý ấy cho hợp lẽ.

Kèm theo, kính sao thơ của quý Tòa cùng thơ trả lời của viện tôi (bản dịch Pháp văn); đồng thời sao gửi kèm thêm bản tóm tắt Dụ chỉ và các văn thơ liên hệ đề quý Tòa thâm định. Các chi tiết cần thiết liên hệ sẽ xin trình bày riêng và trực tiếp sau.

Nguyễn Hữu Bài, kính viết và đọc lại.

Công văn qua lại, trả lời phân minh kịp thời không chậm trễ. Lời phản kháng nhẹ nhàng giản dị, lịch sự tương kính, nhưng lý luận đanh thép vững vàng không sơ hở; đối phương dù cậy quyền cậy thế cũng khó mà trách cứ được.

Từ đó cho đến ngày Thượng Thơ Nguyễn Hữu Bài hưu trí, ngoài chức Hội Lý các bộ sẵn có trước nay, không còn nghe người Pháp nhắc đến chức chương Hội Lý Cơ Mật Viện Trưởng nữa.

Cũng Khâm Sứ Thibaudeau, một lần khác đã đụng độ ông “Thượng Bài” và lấy làm khó chịu vì thái độ y cho là chống đối quá khích.

Từ lâu, thấy rõ sự quan trọng vùng Cao-nguyên Trung Kỳ, người Pháp muốn biến vùng đất này thành khu tự trị nhượng địa Pháp, tách khỏi lãnh thổ Việt Nam. Với thâm ý ấy, Khâm Sứ Trung Kỳ yêu cầu Nam Triều nhượng hẳn đất đai Cao-nguyên cho người Pháp, lấy cớ rằng biên giới Việt Nam ngày trước chỉ có từ bên này dãy núi Trường Sơn mà thôi.

Biết rõ âm mưu ấy, Phụ Chánh Nguyễn Hữu Bài xin khất hẹn ba ngày sau sẽ trả lời.

Gặp lại viên Khâm Sứ lần sau, ông khôn khéo trả lời:

“Cao-nguyên vốn là đất đai của triều đình, nay người Pháp muốn lấy cũng được. Song có điều khó khăn bất tiện bởi lẽ lâu nay sách báo, tài liệu lịch sử-địa dư đều ghi rằng Cao-nguyên là phần đất Việt Nam, thầy mọi người đều biết.

Nay muốn vậy, xin nhà cầm quyền Pháp một thời gian để sửa đổi lại sách báo tài liệu nói trên, lâu ngày quen dần, không còn ai nói Cao-nguyên là của Việt Nam nữa, lúc đó người Pháp muốn lấy cũng không muộn...”

Vì sao sáng giữa đêm tàn

Tình hình chính trị trong những năm 1930-1931 càng ngày càng rối ren bất lợi cho chính quyền thuộc địa. Các phong trào vận động độc lập bộc phát mạnh. Vụ khởi nghĩa Yên Bái tuy đàn áp được nhất thời nhưng âm vang còn chưa hết trong các tầng lớp quần chúng. Tiếp đến các vụ bạo động Thanh-Nghệ, Quảng Nam, Quảng Ngãi... rồi thì phản ứng đòi sát nhập Bắc Kỳ với Trung Kỳ dưới quyền cai trị của Nam Triều. Tổng Trưởng Thuộc Địa Pháp là Paul Reynaud vào cuối năm 1931 được phái sang điều tra tình hình Đông Dương.

Tháng 11 năm 1931 tiếp kiến ông P. Reynaud tại Huế, Cơ Mật Viện Trưởng Nguyễn Hữu Bài không ngần ngại tỏ bày tất cả sự thật là dân chúng Việt Nam muốn tự do, tự chủ. Với nguyện vọng đó, Nguyễn đại thần nhắc lại lời yêu cầu chính phủ Pháp giao trả Bắc Kỳ lại cho Nam Triều, đặt chức Kinh Lược ở Hà Nội như trước. Ông cũng nhân dịp này đưa ra nhiều đề nghị cải cách lâu nay bị người Pháp vịn có này có khác thoái thác hoặc làm chậm trễ.

Do ảnh hưởng tình hình tại chính quốc cùng với áp lực biến chuyển chính trị tại thuộc địa, sau lần gặp gỡ Cơ Mật Viện Trưởng Nguyễn Hữu Bài và Toàn Quyền P. Pasquier, về đến Paris Tổng Trưởng P. Reynaud ra lệnh trả tự do cho một số tù chính trị tại ba miền Nam-Trung-Bắc:

“Dân chúng Việt Nam chờ đợi một cuộc cải cách khả dĩ chấm dứt cơn khủng hoảng tinh thần họ đang đau khổ chịu đựng, họ chờ đợi một công cuộc cải cách bảo đảm cho toàn cõi Đông Dương, sự quân bình về các phương diện tinh thần, chính trị và kinh tế.”

“Les Vietnamiens attendent une réforme susceptible de mettre fin à la crise morale dont ils souffrent actuellement et d’assurer à l’Indochine son équilibre moral, politique et économique.” (Ref: Nam Phong-Supplément en Francais, No 167, Nov-Décembre 1931. P 325-330).

Lời tuyên bố trên của Tổng Trưởng Paul Reynaud mục đích xoa dịu phần nào cơn sốt chính trị tại Đông Dương, đồng thời làm nổi bật một nhân vật chính trị Việt Nam, Tể Tướng Nguyễn Hữu Bài từ đây được chính giới Pháp chú trọng theo dõi. Thiện cảm có và bực bội đối nghịch cũng nhiều.

Thiện cảm về phía các đảng phái chính trị cấp tiến; khó chịu bực mình đối với các phần tử thực dân luôn luôn muốn kìm hãm các dân tộc bị trị.

Nhà báo Henri Le Graucloade, từ Pháp sang Việt Nam sau khi đã có dịp nghe ngóng, tìm hiểu nhiều về tình hình trong nước, đã vào tận trụ sở bộ Lại phỏng vấn ông Nguyễn Hữu Bài.

Trong cuộc phỏng vấn ngày 6-9-1932, đáp câu hỏi về vấn đề Lập Hiến, Tể Tướng Nguyễn Hữu Bài lạnh lùng trả lời:

Với chế độ Lập Hiến, Vua chia quyền với dân. Nhưng ở đây, Vua nước Nam có quyền gì mà chia?

Nói về nguyện vọng dân chúng sau khi vua Bảo Đại hồi loan, ông nhấn mạnh thêm:

Dân nước tôi cũng như các nước khác trên hoàn cầu lúc nào cũng mong muốn được tự chủ và được quyền bảo vệ quyền công dân của họ. Vua nước Nam cũng như các vị Quốc Trưởng khác phải lo cho quyền lợi ấy được bảo đảm chừng nào hay chừng ấy. Mà phải làm như vậy mới thỏa mãn được nguyện vọng dân chúng!

Cũng nhân dịp này ông muốn tỏ bày cho người Pháp biết triển vọng tương lai của dân tộc Việt

Nam:

“... Việt Nam là một dân tộc rất bình dị và yêu chuộng hòa bình, muốn yên ổn làm ăn. Người nông dân đến mùa gặt lúa có gạo cơm đầy đủ nuôi con. Người dân nước tôi đông con lắm. Và vì đông con, thì nước nhiều dân và sau này sẽ trở thành một dân tộc lớn và hùng mạnh hơn. Cái tin tưởng và hy vọng ấy đã thâm nhiễm vào trí não các tầng lớp dân chúng trong nước và làm họ thêm yêu chuộng quá khứ và phong tục nước nhà để hướng về tương lai đẹp đẽ hơn”.

Về vấn đề nội trị, Nguyễn Hữu Bài một lần nữa xác nhận lập trường:

“... Về nội trị, người nước chúng tôi đang ao ước quyền nội trị, tự đảm đương thu xếp công việc bên trong. Có người cho rằng người dân chúng tôi không có lòng ái quốc; đó là một sự lầm lẫn lớn. Có lẽ người nước chúng tôi không yêu nước theo kiểu cách người Âu Châu, nhưng lòng trung quân ái quốc của họ ai cũng có, ai cũng một lòng một chí được thấy quyền tự chủ của nước nhà...”

Khi Henri Le Graucunde hỏi về dư luận báo chí gần đây về việc thi hành Hòa Ước 1884 và sự quan tâm của dân chúng đến vấn đề, Tể Tướng Nguyễn Hữu Bài đáp:

“Tôi tưởng báo chí trong tình thế hiện tại dù sao vẫn chưa bày tỏ được hoàn toàn tiếng nói của dân chúng. Hiện giờ khắp nơi đều muốn Bắc Kỳ trở về với Trung Kỳ, trong nông thôn đều muốn như vậy và tất mọi xóm làng đều hiệp chung một ý ấy. Đi xa hơn, họ còn mong mỏi nhiều việc khác tốt đẹp hơn mà chúng tôi không thể không biết tới.”

Nhắc lại vấn đề an ninh ở hai tỉnh Thanh-Nghệ, Tể Tướng Bài nói:

“Không cần phải đổ máu nhiều cũng có thể an ninh được! Rất may là người Pháp đã thay đổi chính sách, một chính sách sai lầm mà chúng tôi đã nhiều lần bày tỏ ý kiến. Cũng rất may là ông Robin Xử Lý Thường Vụ Toàn Quyền đồng ý với chúng tôi. Ông Robin là một người can đảm khi biết con đường mình đi sai thì bỏ ngay mà chấp nhận ý kiến người khác...”

Cuối cùng kết thúc cuộc nói chuyện, Tể Tướng Nguyễn Hữu Bài kín đáo nhắc nhở:

“Chúng tôi vẫn tin rằng nước Pháp sẽ chú ý nhiều hơn đến nguyện vọng dân chúng nước tôi và không quên lời hứa hẹn nhiều lần trước đây.”

Sau lần tiếp kiến này, Henri Le Graucunde viết về Thủ Tướng Nguyễn Hữu Bài như sau:

“...Trong khi vua Bảo Đại chưa về chấp chính, bao nhiêu quyền hành bên Nam Triều thật ra ở trong tay Thượng Thơ bộ Lại kiêm Cơ Mật Viện Trưởng Nguyễn Hữu Bài.

Vị đại quan này đường đường là một vị danh thần lương tướng, một người đại thông minh trí tuệ và tánh khí can trường trung trực. Những người về phe đảng khác, những người chống đối ông bên Pháp cũng đều công nhận như vậy. Một đôi câu ông nói ra, tuy vẫn tắt, nhưng hàm súc nhiều ý nghĩa, đủ tỏ ra con người ông thật là từ giã ý hùng.

Dư luận bên ngoài thường cho rằng ông Khâm Sứ nào ông không thích, năng xen vào công việc ông làm thì phải lo dự bị sẵn rương hòm khăn gói mà tính chuyện về nước cho sớm” (11).

Những lời đồn đãi ấy đúng hay không ở một nước thuộc miền nhiệt đới, nơi con người trí não nóng nảy hay mơ tưởng những sự hảo huyền. Nhưng có một điều đích xác là ông Thủ Tướng người đạo Thiên Chúa, bên Công-giáo kính yêu đã đành, mà bên lương cũng một lòng ái mộ.

Nhìn hình vóc gầy ốm của ông, tôi nhớ câu “vì lưỡi gươm quá bén nhọn nên vỏ gươm phải mòn mỏi”. Võ Hiển điện Đại Học Sĩ Nguyễn Hữu Bài là cái quốc gia thạch trụ, ai hiểu rõ trí não tinh anh của ông, ai thấy cái vóc dáng mảnh khảnh của ông thì thấy câu nói trên ý nghĩa chừng nào.

Song thân hình ốm yếu mà trí não minh mẫn lạ thường! Xem đôi mắt sáng và lối mỉm cười của ông thì đủ biết. Cái mỉm cười có hơi ngạo vì tự tin, tự trọng ấy là cái cười của con người đầy trí tuệ thông minh, biết trước người đối thoại mình sẽ đưa câu chuyện đi đường hướng nào và sẽ hỏi mình những câu hỏi nào.

Tôi nghe người ta đồn rằng sau khi vua Bảo Đại hỏi loan Thủ Tướng Bài sẽ xin từ chức. Chắc

đó cũng là một hình thức lịch sự vì tôn trọng vị vua mới mà làm như vậy; sự thế tất đã vậy. Vì hẳn ra nhà vua sẽ lưu ông với chức vụ cũ, vì sau này chắc sẽ cần đến ý kiến ông nhiều hơn...”

Cũng nhà báo Henri Le Graucunde này trong một dịp khác đã viết về Nguyễn Hữu Bài nhân dịp tháp tùng vua Bảo Đại trong cuộc tuần du ở Nghệ An vào tháng 11 năm 1932:

Về các vị quan Nam Triều, trong dân gian tôi nghe người ta xét đoán và bình phẩm như sau:

“Ở Trung Kỳ chỉ có hai vị quan xứng đáng nhất: Thủ Tướng Nguyễn Hữu Bài và ông Tuần Vũ Bình Thuận Ngô Đình Diệm.” Câu xét đoán này làm những người nhất gan phải rùng mình.

Riêng Quận Công Nguyễn Hữu Bài là vị lão thần danh tiếng bậc nhất rất đồng mãnh can trường, cũng đủ là một gương quý cho nhà vua. Trong khi Ngài còn đang du học, Thủ Tướng đứng đầu triều nước Nam, niên kỷ bảy mươi mà thường đi công cán năm nọ qua tháng kia, ai ai cũng biết, cũng phục. Ông lấy thuốc mệt mà trị bệnh mệt mỗi cũng như các lương y lấy độc mà giải độc vậy. Khi nước nhà gặp phải rắc rối nhiều loạn hoặc khi phải thiên tai thủy ách, dân tình cật cứ, dân trí hoang mang, thấy bóng ông cũng như vũ-ũy, bớt lo, bớt sợ mà bền lòng vững chí nhiều hơn. Non một năm trời, ông trèo non lặn suối, ngót 110 ngày. Bởi thế trong nhân dân cho đến các phe đảng khác thấy công phu lao nhọc hy sinh vì nước, thấy lòng đại độ khoan hồng, cái cách xử trí thanh bạch, thấy đều ca tụng yêu vì.

Các nhà văn học ở đất Nghệ An này, mặc dù với truyền thống chống đối, bản tính thích bạo động hung hãn cũng rất hiểu rõ cái mãnh lực thiêng liêng của cách xử trí và đối đãi của ông mà đem lòng tin tưởng mến yêu. Phải nhìn nét mặt các bậc kỳ lão thân hào xem như ở trên bức tranh cô hiện xuống, khi nghe Thủ Tướng Nguyễn Hữu Bài hiểu dụ và họ chú ý làm sao, rồi đoán khi ấy trong trí óc họ thay đổi tư tưởng như thế nào, mới thấy rõ lòng kỳ vọng và sự tôn kính họ đặt nơi ông Nguyễn Hữu Bài là chừng nào.

Nghệ An là nơi dân chúng hay chống đối, bình phẩm, nơi Hán học thịnh hành; chữ Nho là thứ chữ rất rộng nghĩa, khó giải thích cho hết, thì không biết các bộ lão Nghệ An đã đàm luận thế nào về cuộc tuần du và Thủ Tướng Nguyễn Hữu Bài” (12).

Là một chính trị gia có nhãn quan sâu sắc nhìn xa thấy rộng, bị ràng buộc trong khuôn khổ định chế đương thời, Viện Trưởng viện Cơ Mật Nguyễn Hữu Bài đã vạch được con đường phục hưng đất nước trong tương lai.

Mềm dẻo khi cần mềm dẻo; cứng rắn khi phải cứng rắn. Với người Pháp ông không để họ chuyên quyền lấn áp, trái lại đã can đảm đương đầu trong những trường hợp mà quyền lợi và thể thống quốc gia bị xâm phạm.

Đối với các đảng phái quốc gia, tình đồng bào, nghĩa đồng chủng, Thủ Tướng Nguyễn Hữu Bài nhiều lần bày tỏ mối đồng tâm thiện cảm. Không che đậy giấu giếm, bằng cách này hay cách khác ông chân thành hợp ý hợp tình chia sẻ nguyện vọng và lo âu.

Câu chuyện đối đáp giữa ông và Toàn Quyền Varenne về trường hợp nhà cách mạng Phan Bội Châu cũng như lời tuyên bố của ông khi tiếp kiến Tổng Trưởng Thuộc Địa P. Reynaud là thêm những sự kiện nói lên tấm lòng cương trực vì dân vì nước của ông.

Sau này khi nhà chí sĩ họ Phan về Huế, Thủ Tướng Nguyễn Hữu Bài vẫn kín đáo liên lạc bàn việc quốc gia cũng như liên lạc, tiếp xúc với các nhà cách mạng khác như cụ Huỳnh Thúc Kháng là một.

Đối với đảng Cộng Sản hay các tổ chức Cộng Sản nguy trạng quốc gia, lập trường ông cũng rất rõ rệt. Tự bản chất gia đình và giáo dục, gắn bó với truyền thống đạo đức văn hóa ngàn xưa, trước sau Nguyễn Hữu Bài chứng tỏ lập trường chính trị chống Cộng Sản, một đại họa trong tương lai nếu không may xúr rơi vào bàn tay sắt máu Cộng Sản. Ngay từ hồi đó, khi Cộng Sản mới bắt đầu lộ dạng, ông đã tiên đoán hiểm họa Cộng Sản sau này đối với đất nước, nên đã thẳng thắn trình bày rõ ràng sự nguy hại của chủ nghĩa này phản lại quyền lợi quốc gia, cần phải trừ đi cho sớm để bảo tồn nhân đạo.

Trong một tờ sớ trình lên nhà vua, ông đề nghị muốn dân chúng đừng nghe theo tuyên truyền

Cộng Sản, Nhà Nước phải chủ trương cải tiến dân sinh, bài trừ tham nhũng...

Đường lối chống Cộng của ông mấy mươi năm sau, kể đến ngày nay vẫn còn đặc dụng, đủ rõ sự nhận thức của ông sáng suốt như thế nào.

Đặt hy vọng phục hưng đất nước và canh tân xứ sở vào lớp thanh niên tân học, Tể Tướng Nguyễn Hữu Bài chú trọng đến việc nâng cao dân trí, con đường độc nhất đưa nước nhà khỏi cảnh tối tăm nhục nhã. Đề nghị lập thêm một trường đại học ở Huế của ông vào thời đó phải đợi mấy mươi năm sau nước nhà độc lập hoàn toàn mới thực hành được, đã nói nhiều về chủ trương cứu quốc của ông.

Không làm được việc này, ông làm việc khác. Cùng với chủ trương đào tạo nhân tài cần thiết cho đất nước ngày mai, ông sáng lập Hội Như Tây Du Học Bảo Trợ. Với một số nhỏ hội viên, trong chưa đầy mười năm, ông đã quyên góp được số tiền 154.000 \$ giúp 25 sinh viên có điều kiện sang Pháp du học thành tài. Một con số rất ít ỏi đối với ngày nay, nhưng vào thời ấy với bao nhiêu khó khăn cản trở, làm được như vậy quả là một sự thành công đáng kể (13).

Nợ tang bông trang trắng vỗ tay reo

Tháng 9 năm 1932, tàu Dumont d'Urville cập bến Đà Nẵng, vua Bảo Đại hồi loan.

Huế, kinh đô cổ kính gắn bó lâu đời kỷ niệm với cổ phong cổ lệ.

Vị tân quân tân học vừa hồi loan đang chuẩn bị tân trào.

Hôm ấy ngày đầu tiên, sau khi hoàn tất các lễ nghi tại Thái Miếu và bái yết đức Đoan Huy Hoàng Thái Hậu (vợ vua Đồng Khánh) và đức Từ Cung Thái Hậu (mẹ vua Bảo Đại), vị tân vương đang tập sự cầm quyền cho mời vị lão thần Nguyễn Hữu Bài đến gặp tại điện Kiến Trung. Một tân, một cổ, hai nhân vật chính yếu trong giai đoạn lịch sử chuyển tiếp.

Người đời nay muốn biết rõ ràng trung thực nội dung lần nói chuyện này, tưởng không gì hơn là được nghe một trong hai vị này kể lại.

Dưới đây lời vua Bảo Đại hồi ký sau hơn nửa thế kỷ kể từ ngày hôm ấy (14):

“Về đến điện Kiến Trung, lập tức tôi cho mời Thượng Thơ Nguyễn Hữu Bài:

Quan Thượng, Trẫm tin tưởng ở kinh nghiệm lâu năm của Ngài, để hỏi cho biết nhiệm vụ của Trẫm ra sao, và xin quan Thượng cho Trẫm biết tình thế nước nhà, đồng thời thử vạch cho Trẫm một chương trình làm việc.

Kính tâu Hoàng Thượng, sự tin cậy của Hoàng Thượng là một vinh dự lớn lao đối với lão phu. Nhiệm vụ của Hoàng Thượng ngày nay không còn giống như xưa nữa. Chính phủ Pháp trong thực tại đã nắm hết công việc của quốc gia trong tay. Còn về tình hình trong nước, thì ngoài sự xáo trộn ít nhiều ở Bắc Kỳ đang bị dẹp tắt, được coi như yên tĩnh và thịnh vượng.

Nhưng còn quyền hạn của Trẫm, công việc của Trẫm? Các quan Thượng làm việc ra sao?

Kính tâu Hoàng Thượng, trước kia thì mỗi bộ tâu trình lên Hoàng Đế và đệ lên dự án để xin quyết định. Nhưng sau khi đức tiên đế băng hà thì đã có một Thỏa Ước với nước Pháp, theo đó Hội Đồng Thượng Thơ sẽ họp dưới sự chủ tọa của viên Khâm Sứ, mình phải báo cáo và xin quyết định. Tòa Khâm ra chỉ thị, nhất là về ngân sách. Chính phủ Pháp thu thuế và trao lại cho Nam Triều đủ để trả lương cho nhân viên để có thể tồn tại.

Chưa ai cho Trẫm biết về cái Thỏa Ước ấy, nếu trước đây Trẫm biết được, thì chắc hẳn Trẫm đã không chấp thuận.

Kính tâu Hoàng Thượng, thỏa ước này là do Hội Đồng Phụ Chánh ký. Thực tế, nó trao hết quyền hạn cho viên Khâm Sứ từ chính trị đến tư pháp. Ở Bắc Kỳ hiện nay, viên Thống Sứ Hà Nội đang nắm quyền Phó Vương rồi.

Vậy thì Trẫm còn gì?

Hoàng Thượng còn giữ được quyền về nghi lễ, quyền ân xá tội nhân, quyền phong sắc cho các thân linh, quyền cấp phát tương lộc, phẩm hàm cho người sống hay người chết...

Tôi bàng hoàng trước lời tâu của vị lão thần này. Tôi cũng ghi nhận rằng ông ta không xen kẽ một sự phê bình nào, nhưng chỉ bằng sự tấu trình mộc mạc ấy ông ta muốn đề cho tôi tự hiểu.”

Và cũng lời vị tân quân nhận xét về Thượng Thư bộ Lại Nguyễn Hữu Bài:

“Cụ Nguyễn Hữu Bài trước kia là một chủng sinh nên có đời sống gương mẫu, đạo đức. Cụ có ảnh hưởng rất lớn trong cả hai triều đại cũ. Luôn trong hai mươi lăm năm, cụ là Viện Trưởng viện Cơ Mật. Tuổi vừa bảy mươi, người nhỏ nhắn, cụ nói và viết thông thạo tiếng Pháp và tiếng Latin.

Trong suốt thời gian phụ chính, cụ đóng vai trò quyết định. Được đức Đoan Huy Hoàng Thái Hậu gợi ý, chính cụ đã cùng Đức Bà sửa soạn đón tôi về. Cả hai vị đều mong muốn tôi có nhiều người phụ tá tân học trẻ tuổi để gánh vác việc nước.”

Và một chương khác, lời tác giả:

“...Rất trung thành với đức Đoan Huy Hoàng Thái Hậu, cụ Nguyễn Hữu Bài được Đức Bà tín nhiệm. Mỗi khi có Toàn Quyền hay Khâm Sứ nào qua Huế đến viếng thăm bà, người không bao giờ quên đề cập đến các vấn đề Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài trước đó đã căn dặn đến độ thuộc lòng” (15).

Tín nhiệm vị lão thần một lòng vì dân vì nước, trong việc cải tổ chính phủ Nam Triều tháng 3 năm 1933 sau đó, theo lời đề nghị của Cơ Mật Viện Trưởng Nguyễn Hữu Bài, vua Bảo Đại đã chọn ông Ngô Đình Diệm làm Thượng Thư bộ Lại.

“... Tôi cho mời một viên quan trẻ tuổi nhất là Ngô Đình Diệm, Tuần Vũ Phan Thiết để đảm trách bộ Lại. Năm ấy 31 tuổi, ông Diệm nổi tiếng là thông minh, liêm khiết, được Nguyễn Hữu Bài tiến cử trước khi về hưu” (16).

Vừa lên ngôi, vua Bảo Đại xuống Chỉ cho phép Cơ Mật Viện Trưởng từ nay mỗi lần vào cung được phép đứng, không phải ở ngoài sân châu mà ở cạnh ngai rồng, một vinh dự độc nhất dành riêng cho vị lão thần Nguyễn Hữu Bài.

Nhưng mặc dù được vua quý mến, cảm thấy mình lớn tuổi, ông dâng sớ xin về hưu:

“... Người xưa lấy sự tham luyến lợi lộc làm thẹn và sách có chữ “tri túc bất nhục”. Phần tôi tài sơ chất hèn, gặp thế kỷ 20 này thiên hạ cạnh tranh văn minh, riêng tôi tâm thân vì nước trong 40 năm giữ chức trách quan trọng, đức tiên đế lịch lãm cuộc đời toan lo việc lớn chuẩn cho tôi làm Cơ Mật Viện Trưởng đại thân, tôi ngày đêm lo sợ, e phụ lòng tiên đế đã phó thác chăng? ... Tôi tuổi đến 70, quá lệ hưu trí, giữ lâu chức trọng quyền cao cũng e người ta nhạo báng; và lại sức tôi yếu hèn mà công việc to lớn sợ không đương nổi chăng? ...”

Vua Bảo Đại không chấp nhận, ngày 18 tháng 10 năm 1932 ra chỉ Dụ:

“... Hiền khanh là bậc lão thành danh vọng to lớn, đương quyền nước nhà mà được hoàn toàn chức trách, quốc dân cũng tín ngưỡng công nhận. Trẫm mới thân chính lần đầu, phải sắp đặt nhiều việc, cần có hiền khanh tán trợ, hiền khanh nên nhưng lưu chức chưởng...”

Ngày 1-11-1932, ông được tấn phong Phước Môn Quận Công (Duc de Phước Môn) và ngày 28 tháng 12 cùng năm ấy, thêm một Sắc chỉ khác tăng lương bổng lên một ngàn đồng và hơn 100 đồng tăng khoản phụ cấp chức vụ. Ông dâng sớ không nhận khoản lương mới này, xin giữ nguyên lương cũ viện lẽ chức trọng quyền cao lâu nay chưa giúp ích gì được cho dân cho nước, lẽ đâu còn bắt dân chúng đóng góp thêm vì lương bổng của mình. Hơn nữa là vị quan đầu triều, trước hết ông phải nêu gương trong khi làm việc dân việc nước.

Nhưng tuổi già ngày một chồng chất, gần nửa thế kỷ phục vụ liên tiếp bảy triều vua, theo lời thỉnh cầu của ông, ngày 2-5-1933 vua Bảo Đại xuống Chỉ cho ông được về hưu trí (17).

Một đạo Dụ khác cùng ngày, Dụ số 30 ngày mùng 8 tháng tư năm Bảo Đại thứ 8 -ngày 2-5-1933- tôn phong Nguyễn Hữu Bài Cố Vấn Nguyên Lão (Vénérable Conseiller de l'Empire):

“Quan Võ Hiển Quận Công Nguyễn Hữu Bài, nguyên Cơ Mật Viện Trưởng, được phép về hưu theo Dụ số 29, là một vị công thần của nhà nước ta.

Ta đã từng nhiều lần tỏ lòng cảm ơn những công nghiệp của quan Võ Hiền Nguyễn Hữu Bài cùng quan Cần Chánh Tôn Thất Hân đã giúp cho quốc gia cùng bản triều.

Ngày mồng 4 tháng 10 năm Bảo Đại thứ 7 (1er Novembre 1932) đã có Dụ thăng thưởng quan Tôn Thất Hân lên Cần Chánh và quan Nguyễn Hữu Bài tước Quận Công.

Nay lại muốn tỏ lòng kính mến hai bậc lão thần đó, nên có Dụ này tặng cả hai vị chức “Cố Vấn Nguyên Lão”.

Hai vị đã về hưu, ta muốn thời thường được vào châu ta, mà đem cái tài lịch duyệt, cái trí khôn ngoan để giúp ta trong lúc thanh niên sơ chánh.

Những khi có lễ nghi gì trong Triều hay trong Nội, mà hai vị được triệu mời, thời được đứng ngồi trên hết thầy các quan đại thần khác trong Triều mặc dù chức vị thế nào cũng phải đứng dưới cả.”

Khâm Thử

Đạo Dụ số 30 ngày 2-5-1933 nói trên nguyên văn bằng tiếng Pháp do Khâm Sứ Trung Kỳ tuyên đọc xong, Thương Tá viện Cơ Mật Trần Thanh Đạt đọc bản dịch nghĩa Việt văn (18).

Sau tiếp phần diễn văn của Toàn Quyền Pasquier là lời kết thúc cảm ơn của Cơ Mật Viện Trưởng Nguyễn Hữu Bài:

“...Về phần riêng tôi, đã già đời phò Vua giúp nước, nay được về nghỉ hưu thật lấy làm vui mừng. Tôi cầu chúc Hội Đồng Thượng Thơ mới làm tròn nghĩa vụ để khỏi phụ ơn Vua tri ngộ. Phần chúng tôi là người cũ, bấy lâu chỉ chăm về việc nội trị, chưa từng nghĩ đến việc cải cách. Đó là phần việc các ngài sau này. Chúng tôi bấy lâu cũng đã có thương thuyết yêu cầu với Bảo hộ một vài điều, mong rằng những điều đó quý vị Thượng Thơ sau này sẽ cố gắng thỉnh cầu cho được.”

Giã từ triều đình Huế, ông trở về Phước Môn. Nhưng đến đây cũng chưa hẳn là lúc an hưởng tuổi già. Vẫn có tài kinh tế, muốn giúp dân chúng khai khẩn đất hoang, mở mang cải tiến nông nghiệp, tại quê nhà ông đem tất cả thì giờ, tâm lực còn lại vào công tác hữu ích nói trên.

Số là 24 năm trước, năm 1909, nhận thấy hai làng Như Lệ và Tích Tường thuộc phủ Hải Lăng tỉnh Quảng Trị đất đai bỏ hoang trong khi dân chúng không công ăn việc làm, Hiệp Tá Nguyễn Hữu Bài hướng dẫn dân chúng làm đơn xin khai khẩn. Nhờ đó hai năm sau (năm 1911) làng Phước Môn diện tích gần 1.000 mẫu tây được thành lập.

Là nhà chính trị có tinh thần thực dụng thường lo nghĩ đến việc cải tiến dân sinh, cùng nhau cộng đồng đồng tiến, năm 1919 khai khẩn đất hoang và lập làng lập xã ở phủ Hải Lăng xong, ông hướng dẫn dân chúng khai khẩn thêm ruộng đất các làng Phước Sơn, Phước Nguyên thuộc phủ Vĩnh Linh, làng Phước Sa ở huyện Do Linh và Phước Tuyên ở huyện Cam Lộ. Công nghiệp khai canh lập ấp từ lúc còn tại chức, ngày nay về hưu trí ông lại tiếp tục khuyến khích dân chúng mở mang, phát triển thêm.

Vùng đất gọi là Ngũ Phước với Phước Môn, Phước Sa, Phước Sơn, Phước Nguyên và Phước Tuyên nói trên, dân chúng địa phương nhiều thế hệ qua còn nhắc lại, là kỷ niệm đẹp của cụ Thượng Bài đối với đồng hương Quảng Trị.

Không phải chỉ trong những ngày ruộng nương được mùa no ấm, mà cả trong thời buổi kinh tế khó khăn, mất mùa đói kém như nạn đói năm 1916.

Cụ Thượng Mạ, lúc bấy giờ Tuần Vũ Quảng Trị, sau này trong Lô Giang Tiểu Sử còn nhắc nhở:

“Lại may có ông Phước Môn, Hiệp Tá bộ Công, xuất của riêng cho người vào Nam, mua gạo đem về cứu đói, bán rẻ cho dân được nhờ” (19).

Đi sâu hơn vào vấn đề nhân bản-dân sinh, năm 1924, tiên phong tại quê nhà, Nguyễn Hữu Bài thành lập nhà Dục Anh mục đích nuôi nấng dạy dỗ con em mồ côi bất hạnh. Với tấm lòng nhân hậu và với phương tiện riêng, ông kêu gọi những tâm hồn đạo đức cùng nhau chung sức

chung lòng giải quyết một vấn đề xã hội gai góc, nỗi âu lo ngày đêm những người có thiện chí vì nhân quần, vì xã hội sẵn sàng dấn thân:

Con thiên hạ một bầy còn đó

Của thế gian hàng vạn sá chi.

(Câu đối trước cổng nhà Dục Anh)

Vui vầy bên đám dân chúng lam lũ cần cù, ngày ngày ông chống gậy đi thăm nơi này nơi nọ, hỏi han công việc đồng áng của nông dân trong vùng. Bạn bè cùng cảnh trí thiên nhiên, tâm hồn siêu thoát thanh cao, sông cuộc đời giản dị không bận bịu, không vương vấn lợi danh, danh lợi. Tình cờ gặp ông bên cánh đồng hay dưới gốc cây đang phe phẩy chiếc quạt giấy, không ai ngờ rằng đó là vị quan đầu triều danh vọng tột đỉnh ngày nay đang an hưởng tuổi già bên cạnh đồng bào, đồng hương lâu nay ông vẫn một lòng mến yêu và đem hết đời mình để phụng sự.

Hình ảnh cụ già nông dân quen thuộc với dân chúng Quảng Trị ấy, tiếc thay chỉ còn lại một thời gian quá ngắn ngủi. Ngày 10-7-1935, nhân dịp linh mục Hồ Ngọc Cần được tấn phong Giám Mục, Quận Công Nguyễn Hữu Bài đặt tiệc mừng tại tư dinh. Ngày hôm sau cụ nhuốm cảm nặng phải đưa vào bệnh viện Huế. Bệnh mỗi ngày một nặng, hai giờ 30 sáng ngày 28-7-1935, Phêrô-Giuse Nguyễn Hữu Bài từ trần tại tư đệ ở Phủ Cam, hưởng thọ 73 tuổi.

Lễ phát tang cử hành tại Huế ngày 30-7-1935 và liền hôm sau linh cữu được đưa ra Quảng Trị chôn cất ở quê nhà, trên một ngọn đồi thông reo bốn mùa vì vu gió lộng:

“Trông lên ngó xuống một gò cao,

Một nắm xanh um khí thế hào”

(J.M. Nguyễn Văn Thích)

Thành gia thất với bà Nguyễn Thị Diễm (quê quán Sơn Tây), Phước Môn Quận Công Nguyễn Hữu Bài có 3 trai, 3 gái. Trưởng nam, Nguyễn Hữu Giải, tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật khoa tại Pháp, không may mất sớm. Ngoài hai ái nữ đã lập gia đình, cô gái út là nữ tu sĩ Dòng Kín, Soeur Aimée de Marie (20).

Mến tiếc một vị đại thần tài đức quá cố, Vua Bảo Đại truy tặng Phước Môn Quận Công phẩm hàm lớn nhất triều đình: Cần Chánh điện Đại Học Sĩ (Première Colonne de l'Empire).

Tin Quận Công Nguyễn Hữu Bài tạ thế được lan truyền, khắp nơi tỏ lời phân ưu buồn tiếc. Bạn bè thân hữu, cả đến dân chúng bên ngoài, người người xúc động buồn ngủi khi hay tin “Cụ Bài” mất. Họ mến tiếc một vị tài đức mà cả cuộc đời và sự nghiệp là tấm gương hy sinh đến tận cùng tận lực vì công ích công lợi.

Đời công, đời tư trọn vẹn cả hai. Đời công sáng chói như vậy; đời tư còn đẹp đẽ sáng lạn hơn. Với bản thân, ông có một lối sống giản dị, khắc kỷ đáng kính. Lối sống giản dị và thái độ khắc kỷ ấy đã định hướng mọi hành động, cử chỉ trong suốt cuộc đời khiến ông luôn luôn giữ vững được cốt cách người quân tử. Danh lợi không mê, của cải tiền bạc không quý, còn ai chê trách ông được điều gì!

Tặng lương không nhận, dành dụm được bao nhiêu tiền, ông dùng cả vào công việc khai khẩn đất hoang, đem ruộng đất về cho dân nghèo. Ngôi nhà riêng của ông tầm thường như bao nhiêu ngôi nhà tầm thường khác ở Huế, gọi “dinh Cụ Bài”, là một bằng chứng cho đức liêm khiết trong sạch hiếm có.

Lấy đạo đức cải hóa các bạn đồng liêu, chính ông đã nêu gương đạo đức trước thầy mọi người, khiến mọi người khi nhắc đến ông chỉ còn biết cúi đầu kính phục.

* *

*

Nhà thơ Nguyễn Hữu Bài: tâm hồn của thời đại.

Là vị đại thần được quốc dân kính mến vì lòng trung trinh báo quốc cùng tiết tháo trượng phu, là nhà chính trị-hành chánh năng lực tài đức hơn người, Phước Môn Quận Công còn là một nhà thơ tâm hồn phóng khoáng, thi tứ dồi dào.

Thiết tha với đất nước quê hương, tiên sinh dấn thân vào đời hy vọng đem tài sức mình gánh vác việc nước, việc dân. Vào chốn hoạn trường không phải vì danh vì lợi mà vì đó là con đường dấn thân của tình thế. Tự do, tự chủ muôn tranh đấu không thể đứng riêng ngoài lề đấu tranh.

Cuộc chiến đấu của tiên sinh không phải là cuộc chiến đấu bằng súng bằng đạn, mà một cuộc chiến đấu bằng tâm não trí óc, bằng ngoại giao, một cuộc đấu trí dằng dai với người Pháp từ khi còn là viên Thừa Phái nha Thương Bạc dưới triều Tự Đức cho đến ngày được phong Nguyên Lão Cố Vấn. Tất cả hoài bão tâm sự ấy, nhà thơ nôm Nguyễn Hữu Bài ký thác trong những sáng tác đượm tinh thần ái quốc:

Buông lao nên cũng phải theo lao,
Lao lý công trình đã biết bao?
Những ước trông dân cho nước mạnh
Há rằng tìm của tới non cao?
(Đường lên Sở Cù)

Đất nước rằng không người phẩm cách
Non sông dễ thiếu khách tài hoa?
(Khuyên người đời)

Trong cảnh đất nước còn lệ thuộc ngoại bang, lo lắng tìm lối thoát cho xứ sở mà chưa thành, nhà thơ Phước Môn đã có những đêm trằn trọc không ngủ:

Thao thức đêm nằm chẳng ngủ cho,
Cũng ra như bệnh, cũng như lo.
Trên đầu nặng trĩu đả ngậy ngất,
Trong dạ lao tư lại rối vò.
Bao quản tóc sầu đem nhúng tuyết,
Chín e lòng khổ hóa thành tro,
Những nghe tiếng vạc kêu canh mãi,
Mở mắt trông xem vẫn tối mờ.
(Đêm nằm không ngủ)

Co tay, những tính vòng năm tháng,
Nát ruột khôn lường nổi một mai.
Vẫn biết thân người trời đất nhỏ,
Phương thang điều bổ hỏi thăm ai?
(Đau vai ngẫu đề)

Nhưng rồi khi đã nhập thế cuộc, dấn thân vào con đường nghĩa vụ, người chiến sĩ vì dân vì

nước ấy vẫn cương quyết một lòng tin tưởng ở tài sức mình, tin tưởng ở tương lai đất nước:
Lên non xuống biển, phăng phăng bước,
Gắng sức cho tròn nghĩa chúa tôi.
(Đạo chơi động Tróc Voi)

Cơ đồ kia đã nên rường cột,
Mây gió đâu mà đổ núi sông.
Thôi có thiêng thời phò vận mới,
Một nhà bốn biển hội tam đồng.
(Thăm lăng Tả Quân Lê Văn Duyệt)

Mặc dù thất bại khó khăn, ông không thất vọng nao núng, vẫn một lòng một chí hiên ngang
với lý tưởng:
Trong cuộc tuần hoàn cơ tạo hóa,
Ai đem thành bại luận anh hùng.
(Gởi cho bạn cũ ở kinh)

Chân chân đứng sững giữa trời cao,
Gầy dựng công người biết nghĩ sao?
Then khóa bên mình, tua găng giữ,
Nắng mưa trước mặt, lựa hề nao.
Một đường chính lộ ngay lòng mở,
Mấy kẻ hiền nhân nổi gót vào.
Lo phận làm tôi cho trọn nghĩa,
Khăng khăng đóng chặt buổi xôn xao.
(Đề cửa ngõ)

Là một nhà nho, nhưng khác với những người đương thời, ông Nguyễn Hữu Bài làm thơ bằng
quốc văn. Tinh thần quốc gia trong địa hạt văn thơ càng thấy phát hiện rõ rệt hơn. Trong giai
đoạn sơ khai chữ quốc ngữ mới bắt đầu được truyền bá, với tâm nguyện nhìn thấy hình thành
một nền văn học mới, con đường văn học nhà thơ Nguyễn Hữu Bài đeo đuổi cũng là con
đường đại chúng Việt Nam đang bắt đầu dần bước:

Đủ ý, đủ câu là có cách,
Tron vần, tron chữ, nói ra bè.
Tả cho thực cảnh y như thấy,
Nói hết chân tình hẳn dễ nghe.
(Đề chúng làm thơ)

Ví hát trăm câu, vận quốc âm,
Lại đem chuyện cũ, giải cho nhảm.
Phong ca chuông động nghe càng thắm,
Sử sách gương gương, ngó chẳng lảm.
Cao thấp, ư a, ba bốn bực,

Nên hư, hay dở, mấy ngàn năm.
Còn trời, còn nước, còn non mãi,
“Phong sử này còn, có kẻ ngân.”

(Đề tập “Phong Sử”)

Trong lúc các nhà nho khi sáng tác bị ràng buộc bởi điển tích, khuôn sáo cũ, lẽ lối văn thể chật hẹp khô khan, nhà thơ Phước Môn của chúng ta đã thoát ly được những ràng buộc cũ bằng một lối văn giản dị. Nhưng không vì giản dị quá mà lời thơ kém vẻ bay bướm uyển chuyển hoặc trang nhã thanh tao:

Gạo châu, củi quế chưa từng thấy
Gác phượng đài loan nỏ dấm vui.

(Mừng thăng Đông Các)

Hóng mát chiều hôm dạo cảnh chơi,
Trông vào bãi cát, ngó ra khơi.
Núi bông trắng xát bao Côn Hên,
Hòn cỏ xanh dòn trắng Trúc Voi.
Phát phưởng đầu gành hơi gió thổi,
Long lanh mặt nước bóng trăng soi.

Hỏi thăm ông Tạo khi nào rảnh,
Lấp biển, trông dâu để thử coi.

(Đề cảnh Cửa Tùng - Quảng Trị)

Những vản thơ giản dị của Nguyễn Hữu Bài và là những vản thơ hay, không cầu kỳ gọt rũa, câu nệ điển tích; trong sáng mà đượm vẻ chân tình, nôm na mà thiết tha tình tứ. “Vận mới đông vãn thử dựng cờ”, Nguyễn Hữu Bài đã dùng thơ vãn để phục vụ nhân sinh, nuôi dưỡng khuyến khích lòng yêu nước:

Đầu đội quân vương hai mái tóc,
Lòng lo xã tắc mấy vòng tơ.

(Hộ giá đi Tây)

Bốn phương vó kỵ dàu rong ruổi,
Một tấm lòng băng há đổi thay.

(Gửi bạn cũ ở Sơn Tây)

Chỉ ước non sông còn mãi mãi
Làm trai gánh vác dễ từ lao.

(Vịnh Cửa Tùng)

Một tấm lòng son, một bầu nhiệt huyết, dù ở hoàn cảnh địa vị nào vẫn không xa rời lý tưởng, không nao núng vì cường quyền, hiên ngang đương đầu trước bạo lực, lòng tin tưởng ở tương lai đất nước. Tuổi đã bảy mươi, vẫn chưa quên bốn phận mình đối với quê hương, vẫn cố gắng “lo phận làm tôi cho trọn nghĩa”. Một chí sĩ, một nhà nho thức thời, đau lòng vì chưa đạt được chí bình sinh, chưa được nhìn thấy ánh vinh quang của xứ sở như vẫn hằng mơ ước:

Mây nước mấy lần đà lỗi hẹn,

Vẻ vang có thể được lòng sau...

Nguyễn Hữu Bài thủy chung đã nêu cao được chính nghĩa, tuyên dương sức mạnh của đạo lý và truyền thống dân tộc:

Tóc bạc lòng son nào có bạc,

Tuổi người bảy chục, kể năm mươi.

Là nhà nho ảnh hưởng tinh thần Âu học, là tín đồ Công-giáo, nhà thơ Nguyễn Hữu Bài sống cuộc đời hiền hòa: sống đời, sống đạo trọn vẹn, đức tin, đức ái tuyệt vời:

Dầu được dầu không, là số phận,

May may, rủi rủi, cũng ơn Trời.

(Vịnh Cửa Tùng)

Nhờ ơn tạo hóa đà xây đắp,

Bão táp lo chi khuyết lại bồi.

(Đề núi Tróc Voi)

Với tâm hồn ấy, với lòng tin ấy, nhà thơ Nguyễn Hữu Bài đã dâng hiến đến tận cùng tận lực cuộc đời mình cho đất nước như câu đối treo trước cửa tư đệ:

Khoán thơ ghi tạc lòng son sắt,

Nhơn trí vui vầy cảnh núi sông.

Và xứng đáng với lời ngợi khen lưu truyền hậu thế, lời ai điếu của nhà cách mạng Phan Bội Châu khốc tiên sinh trong nhật báo Tiếng Dân năm xưa:

“Vào Triều ra quận ruột đau đời, khôn phơi vạch để ai xem, trời họa biết cho chăng?

Thờ Vua tuy tử do sanh, lãng Tự Đức còn bia thiên vạn cổ.

Đầy Á chèo Âu tay cứu nước, những lăm le rình dịp mở, đất sao chôn đặng chứ?

Kính Chúa ái nhân như kỷ, lời Thánh Kinh no óc bảy mươi năm” (21).

NGUYỄN HƯƠNG

Chú Thích:

(1) Nguyễn Thúc: Thơ Nôm Phước Môn. Sài Gòn. 1959.

(2) Nguyễn Hữu Quỳnh: sinh năm 1768 tại Mỹ Hương, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, thuộc thế hệ thứ tư dòng họ vị công thần Nguyễn Hữu Cảnh; Nguyễn Hữu Quỳnh là tăng tổ thúc Nguyễn Hữu Bài (sinh năm 1863).

Thời trai trẻ chưa đầy 30 tuổi gia nhập lực lượng chúa Nguyễn chống quân Tây Sơn, lập nhiều công trận tại chiến trường Quảng Bình, Nguyễn Hữu Quỳnh được phong chức Cai Đội Trưởng. Năm 1802, vua Gia Long nhất thống giang sơn, Nguyễn Hữu Quỳnh xin xuất ngũ trở thành vị lương y nổi tiếng. Cũng như hai vị song thân, Nguyễn Hữu Quỳnh là tín hữu đạo đức gương mẫu, nhiệt tình với công việc tông đồ và đức bác ái công giáo.

Sau ngày sắc dụ cấm đạo thời vua Minh Mạng ban hành (năm 1838), ông trùm họ đạo Mỹ Hương-Kê Sen là Nguyễn Hữu Quỳnh bị bắt, đem về giam tại nhà lao Đông Hới. Mặc dù bị tra tấn hành hạ quá đỗi thương tâm, trong suốt thời gian bị cầm cố trải qua hai đời Án Sát Phan Trứ và Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Hữu Quỳnh vẫn son sắt một tấm lòng, một đức tin mãnh liệt: nhất quyết không chịu xuất khóa (bỏ đạo).

Chịu án xử giáo (thắt cổ) tại pháp trường Kim Sen ngày thứ sáu 10-7-1840 (ngày 12 tháng 6 năm Canh Tý, Minh Mạng thứ 21), ông trùm giáo xứ Mỹ Hương-Kẻ Sen để lại hậu thế gương anh hùng tử đạo:

“Nghĩa khí nêu cao tràn đất nước,
Oai linh phù hộ khắp non sông...”

như lời ghi khắc trên mộ bia tại Kẻ Sen.

Trong lễ phong thánh ngày 19-6-1988 tại Vatican, Chân Phước Anton Nguyễn Hữu Quỳnh được Đức Giáo Hoàng Jean Paul II suy tôn bực Hiển Thánh.

*Kẻ Sen hay Kim Sen, vùng thượng nguồn sông Nhật Lệ, huyện Phong Lộc, Quảng Bình. Tưởng nên biết qua, các thế hệ Nguyễn Hữu về sau, hầu hết lìa bỏ miền Bắc “nguyện theo chúa Nguyễn dựng bờ cõi Nam”, định cư tại huyện Phong Lộc.

Mộ Triều Văn Hầu và các thế hệ sau đều tại xứ Kim Sen và vùng kế cận gọi là “trung-trung nhất huyết”.

(3) Sự tích các đời do Nguyễn Hữu Bài soạn, tạc bia tại phần mộ xứ Kim Sen. Nguyên văn bằng chữ Hán, bản dịch Việt văn do chính tác giả thực hiện.

Để biết rõ hơn, xin đọc tiếp Nguyễn Thúc: Thơ Nôm Phước Môn, sđd.

(4) Một nước hai vua, ở giữa Đồng Khánh, hai đầu Hàm Nghi.

Triều đình Huế với vị vua mới lúc này đã tập hợp được một số đình thần cựu trào trước đây thuộc phe chủ chiến như Đoàn Văn Hội, Thượng Thơ bộ Hình; Hoàng Hữu Thường, Thượng Thơ bộ Binh; Châu Đình Kế, Thượng Thơ bộ Công; Đặng Đức Dịch, Thượng Thơ bộ Lễ; Nguyễn Thuật, Thượng Thơ bộ Hộ kiêm quản Thị Vệ cùng một số văn võ quan khác như Hoàng Kế Viêm, Nguyễn Chánh, Nguyễn Thành Ý, Trương Quang Đản, Cao Hữu Sung...

(5) Hiệp Ước Thiên Tân (Tien Tsin) năm 1885 dự trù việc ký kết thêm 2 Phụ Ước: Phụ Ước về thương mại Bắc Kỳ và Trung Hoa; Phụ Ước phân định biên giới Việt-Hoa.

Điều 3, Hiệp Ước Thiên Tân định rõ:

“Trong thời hạn sáu tháng, các ủy viên hai nước (Pháp-Hoa) sẽ đến tại chỗ để xác nhận đường ranh giới giữa Bắc Kỳ và Trung Hoa. Những nơi nào xét cần thiết, ủy ban sẽ cho đặt thêm các cây trụ làm đường phân ranh rõ ràng giữa 2 nước...”

“Dans un délai de six mois, des commissaires des deux parties se rendront sur les lieux pour reconnaître la frontière entre la Chine et le Tonkin. Ils poseront, partout où besoin sera, des bornes destinées à rendre apparente la démarcation...”

Qua Hiệp Ước Patenôtre 1884, nước Pháp theo công pháp quốc tế đương nhiên thay thế Việt Nam giải quyết vấn đề biên giới Việt-Hoa chạy dài từ Quảng Đông, Quảng Tây đến Vân Nam.

Trong hoàn cảnh thực tế trên, Thương Tá Thông Sự Nguyễn Hữu Bài do ủy nhiệm của triều đình Huế có nhiệm vụ giải thích để người Pháp biết qua tình trạng biên giới Bắc Kỳ-Trung Hoa. Và với nhiệm vụ ấy, Thương Tá Thông sự Nguyễn Hữu Bài được triều đình Huế biệt phái công tác cạnh nhà cầm quyền quân sự Pháp.

Vấn đề phân định biên giới và đặt trụ phân ranh (délimitation et l'abornement) khởi công từ cuối năm 1885 gặp nhiều khó khăn cản trở kéo dài đến gần... 10 năm mới xong. Qua 3 đợt công tác tại 3 địa điểm khác nhau, bắt đầu từ Đồng Đăng (Lạng Sơn) giai đoạn đầu kết thúc với Phụ Ước 1887 (Convention de 1887). Từ đó về sau thêm nhiều hội nghị khác, việc đóng trụ biên giới kéo dài cho đến năm 1894 mới xong.

Vẫn chưa hết, chuyện dài biên giới Việt-Hoa từ 1895-1896 còn kéo dài đến ngày nay, năm 2001.

Tiếp sau số báo này, TSH sẽ biên khảo đầy đủ hơn: Vấn đề biên giới Việt-Hoa qua các giai đoạn lịch sử.

(6) Theo nhiều tài liệu đáng tin cậy, việc đào bới lăng vua Tự Đức do Khâm Sứ Mahé chủ mưu kéo dài từ cuối năm 1912 đến qua đầu năm sau (17-1-1913) mới gọi là kết thúc.

Toàn Quyền A. Sarraut nhân vào Huế tham dự Hội Đồng Thượng Thơ biết được nội vụ, tức thì ra lệnh ngưng ngay việc đào bới, đồng thời sửa lại lăng mộ. Việc sửa chữa kéo dài đến Tết âm lịch mới xong. Cả kinh thành xáo động. Tin tức vang dội ra ngoài, từ Bắc Kỳ vô tận Nam Kỳ. Nhật báo Le Courrier d'Haiphong (tháng 2 năm 1913) kết tội Khâm Sứ Mahé tham tàn. Phản ứng dư luận tràn qua tận Paris. Nhà cách mạng Phan Châu Trinh có thêm cơ hội công kích chính sách đô hộ Pháp qua nhật báo Le Journal de Paris ngày 3-5-1913.

Không phải chỉ có việc đào lăng vua Tự Đức, Khâm Sứ Charles còn cho đào bới thêm những nơi khả nghi có “kho vàng Đại Nội”.

Lần đào bới thứ nhất, mùa hè năm 1915 trong lúc vua Duy Tân đang nghỉ mát tại Cửa Tùng (Quảng Trị). Lần thứ hai, mấy tháng sau đó (tháng 10). Vua Duy Tân lúc bấy giờ có mặt tại kinh đô tỏ ý bất bình ra lệnh lấp lại ngay. Nhưng chẳng ai nghe lệnh vua, kể cả người có trách nhiệm lúc này là Thượng Thơ bộ Lại Trương Như Cương!

(7) Văn phòng Khâm Sứ Tòa Thánh lúc đầu đặt tại Hà Nội, theo lời đề nghị của ông Nguyễn Hữu Bài được đức Khâm Mạng Ayuti tán thành và Tòa Thánh La Mã chuẩn y, về sau dời vô Huế cho đến ngày xảy ra cuộc chiến tranh Việt-Pháp (1945).

Để kỷ niệm một tín đồ có công nghiệp với tổ quốc và giáo hội, Tòa Thánh La Mã ân thưởng ông Nguyễn Hữu Bài các huy chương cao trọng như:

Năm 1921, Bội tinh Pie XI với áo mũ và gươm theo hàng Hiệp Sĩ Tòa Thánh.

Bội tinh Pie IX (Commandeur de l'Ordre de Pie IX).

Năm 1922, Huy chương “Grand Croix de l'Ordre de Saint Sylvestre”.

Năm 1927, Huy chương “Grand Croix de l'Ordre de Saint Grégoire le Grand”.

(Xem Nam Phong - Mars 1921).

(8) “Minh Với Bóng”, thơ Phan Bội Châu.

Vĩnh Sinh: Phan Bội Châu and The Đông Du Movement, Yale Univ., S.E.A. Studies No 8.

(9) Hồ mái đầy, phổ biến tại Huế.

(10) Vương Đình Quang: Hồi ký về cụ Phan và cụ Huỳnh. Hà Nội. 1987.

“Bài thơ trên do cụ Phan sáng tác năm 1929. Năm 1938, một tờ báo ở Huế trích đăng lại, gây dư luận thắc mắc về hai câu kết: “Bao giờ duyên cũ thay duyên mới...”

Vì dư luận xôn xao, cụ Huỳnh lên tận Bến Ngự hỏi cụ Phan. Bài phỏng vấn cụ Phan, đăng tải trên Tiếng Dân ngày 25-8-1938, đại ý cụ Phan giải thích: Duyên cũ là đường lối cai trị cũ, duyên mới là chính sách hợp tác Việt-Pháp tương lai...

Tại Huế, cả hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Huỳnh Thúc Kháng đều có cảm tình với cụ Nguyễn Hữu Bài và Ngô Đình Diệm.

Sau ngày ông Ngô Đình Diệm từ chức Thượng Thơ bộ Lại, cụ Phan Bội Châu tại Bến Ngự có bài thơ khen, đoạn kết có câu:

Ví bằng có dịp làm vai vế

Sau ngựa em xin múa ngọn roi.

Theo Vương Đình Quang trong tác phẩm nói trên, khi đọc đến chữ “em”, tôi (tác giả V.Đ.Q.) không nhận được, dùng bút lại thưa với Cụ:

Xin phép Cụ con không đồng ý Cụ tự hạ mình quá đi như vậy. Cụ là bậc cha, bậc anh...

Cụ Phan nói:

Tôi làm cách mạng chớ như đặt mình vào địa vị ấy, chưa chắc tôi đã làm được như vậy (ý nói

việc ông Ngô Đình Diệm từ chức Thượng Thơ bộ Lại).

Xem T.S.H. 1990: Cù Phan Bội Châu, những ngày ở Huế.

(11) Với tình hình đất nước lúc bấy giờ, luôn luôn sẵn sàng đương đầu với người Pháp càng ngày càng thêm áp lực xen lẫn nội bộ Nam Triều, lập trường chính trị của Nguyễn Hữu Bài, mãi đến thời Toàn Quyền Pasquier (1928-1934), trước sau không thay đổi.

Theo Thượng Thơ Nguyễn Hữu Bài, canh tân cải đổi cơ cấu hành chính này nọ, nếu có làm, chỉ là chuyện thứ yếu và là nội bộ của Nam Triều. Vấn đề chính là lâm thời trở lại với Hiệp Ước 1884, theo đó Bắc Kỳ và Trung Kỳ cùng chung một triều đình, một chủ quyền nội trị. Triều đình Huế phải có quyền tự trị ngân sách-tài chánh, thu nhập các khoản lợi tức quan thuế và bưu chánh...

Chủ trương chính trị ấy thường gặp sức phản đối chỉ trích nếu không nói là ác cảm, thù nghịch của chính quyền Bảo hộ Pháp. Từ các Khâm Sứ như Lévecque, Charles, Mahé, Chatel, Thibaudeau đến Toàn Quyền -đặc biệt Toàn Quyền P. Pasquier sau này- tất cả đều báo cáo “Thượng Thơ Nguyễn Hữu Bài có thái độ và hành động chính trị kém thân hữu với chính phủ Pháp.”

Không kể Khâm Sứ Thibaudeau mới nhậm chức sau này (tháng 3, năm 1933), không khí “hữu nghị” căng thẳng nhất là trường hợp Khâm Sứ Charles, sau đó chuyển về Pháp.

Tất cả tài liệu, hồ sơ chính trị liên hệ như báo cáo của Khâm Sứ gửi Toàn Quyền, phủ Toàn Quyền gửi bộ Thuộc Địa Paris hiện lưu trữ tại các văn khố Pháp như Centre des Archives d’Outre-Mer (CAOM. Aix-en-Provence) hay Dépôts des Archives d’Outre-Mer (DOM).

Có dịp đọc các phúc trình “kém thân thiện” ấy hay biết qua thái độ nghi ngờ, theo dõi và canh chừng của tòa Khâm Sứ và phủ Toàn Quyền đối với Thượng Thơ Nguyễn Hữu Bài, càng thấy rõ hơn nhân cách và chân giá trị của Cơ Mật Viện Trưởng Nguyễn Hữu Bài trong thời gian tại chức.

(12) Trích “Những Thời Kỳ Trọng Đại Của Nước Việt Nam Trong Lúc Hồi Xuân” do T.X. và P.V. dịch ra chữ quốc ngữ (nguyên bản của H. Le Graucloade).

Editions de la Presse Populaire de l’Empire d’Annam (Huế, 1933).

(13) Tạp chí Nam Phong, số 112, tháng 12 năm 1926, nơi “Mục Trong Nước”, có bản tin về việc thành lập hội Như Tây Pháp Học Bảo Trợ (Société d’Entr’aide aux Étudiants faisant des études en France).

Cũng qua tạp chí Nam Phong, trước đây Hà Nội-Hải Phòng có đề nghị thành lập Hội Du Học Bảo Trợ nhưng không có kết quả.

(14) Bảo Đại: Con Rồng Việt Nam. Nguyễn Phước Tộc xuất bản 1990. Xuân Thu Publishing. Trang 53-54.

(15) Bảo Đại: Con Rồng Việt Nam. SĐd trang 51.

(16) Bảo Đại: Con Rồng Việt Nam. SĐd trang 91.

(17) Tất cả sự việc trong thời gian nói trên được tường thuật lại trong tạp chí Nam Phong, số 184, tháng 5, năm 1933:

“Hồi tôi mới ở Tây về, thầy cùng các thầy Cơ Mật có tỏ ý muốn từ chức để tôi lựa chọn người mới mà lập chính phủ khác.

Bây giờ tôi mới nhất sơ lâm chính, còn muốn lưu các thầy lại để giúp việc ít lâu.

Vả lại riêng về phần thầy là bậc lão thần có công to với Nhà Nước, tôi vẫn muốn trước khi thầy về hưu có cách gì biệt đãi để tỏ ơn với thầy.

Bởi vậy nên tôi mới có Dự phong thầy tước Quận Công là để thưởng cái công thầy giúp tiên đế và giúp tôi trong khi du học.

Thầy là bậc trọng thần có huân nghiệp với Nhà Nước, vả lại tuổi đã cao, tước đã lớn, đứng

bình đẳng với các quan Cơ Mật khác không tiện.

Vậy nếu thầy muốn về nghĩ để an nhàn dưỡng lão, tôi cũng không dám cố lưu như mấy lần trước nữa.

Nhưng dẫu về nghĩ, tôi muốn thầy cứ thời thường tới lui mà giúp bàn việc nước với tôi.”

Hoàng Đế ban xong, quan Cơ Mật Viện Trưởng Nguyễn Hữu Bài tâu lại rằng:

“Hai mươi lăm năm chúng tôi giữ chức trong Triều, thủy chung một lòng phò Vua giúp nước, nay tuổi đã cao, đôi phen xin từ chức để về hưu, bây giờ Hoàng Thượng mới cho phép về, thật là lấy làm vui vẻ lắm.

Chỉ ước ao một điều, là viện Cơ Mật sau này sẽ làm trọn được nghĩa vụ, cũng dốc một lòng thờ Vua giúp nước thì may cho tiền đồ nước nhà lắm.”

(18) Nguyên văn đạo Dụ số 30 bằng Pháp văn:

Ordonnance Royale no 30 du 8e jour du 4e mois de la 8e année Bảo Đại (2 Mai 1933).

“S.E. le Võ-Hiển Quận Công Nguyễn Hữu Bài, ancien Président du Conseil du Cơ-Mật, qui vient d’être autorisé, à prendre sa retraite conformément à Notre Ordonnance No 29 en date de ce jour, a été un grand serviteur de l’État.

Nous avons à plusieurs reprises exprimé à ce haut dignitaire, ainsi qu’à S.E. le Càn Chánh Tôn Thất Hân, toute Notre gratitude pour les services éminents qu’ils ont rendus l’un et l’autre au Pays et à la Dynastie.

Par Ordonnance en date du 1er Novembre 1932 (4e jour du 10e mois de la 7e année Bảo Đại), Nous avons élevé S.E. Tôn Thất Hân à la dignité de Càn Chánh et S. E. Nguyễn Hữu Bài au titre de noblesse de Quận Công.

Par la présente et pour bien montrer les sentiments de haute estime dans lesquels Nous les tenons, Nous les nommons tous les deux “Vénérables Conseillers du Royaume” (Cổ Vấn Nguyễn Lão).

Dans leur retraite, Nous leur demanderons de venir de temps en temps Nous voir et de faire profiter Notre jeunesse de leur grande expérience et de leur profonde sagesse.

Quand ils seront invités aux cérémonies du Palais ou de la Cour, ils auront droit aux toutes premières places et passeront avant tous les autres dignitaires de la Cour, quels que soient leurs fonctions, leurs titres ou leurs grades.”

“Respect à ceci!”

Vu:

Hué, le 2 Mai 1933

Le Résident Supérieur p.i. en Annam,

Signé: Thibaudeau.

Pour notification conforme:

Hué, le 2 Mai 1933.

Le Ministre Directeur du Cabinet Civil

de Sa Majesté,

Signé: Phạm Quỳnh.

(19) Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại: Lô Giang Tiểu Sử, trang 156.

(20) Cô con gái út, Nguyễn Hữu Thị Tài, nữ tu dòng Kín (dòng Carmel, Huế), vừa qua đời năm 1995. Chị Marie Nguyễn Hữu Thị Tài sinh năm 1907, nhập đan viện Carmel, Huế năm 1926, mặc áo dòng năm 1928 trước khi vào nhà Tập với tên dòng Soeur Aimée de Marie, và tuyên khấn trọn đời (voeu perpétuel) năm 1936. Từ đó qua nhiều trách nhiệm nhà Dòng giao phó như Giám Tập, Bề Trên Dòng, nữ tu Aimée de Marie sống đời tận hiến 69 năm trong 88 năm ở trần gian.

Nhớ ngày xưa khi hai cụ thân sinh tiễn biệt cô con gái cung từ bỏ thế gian hệ lụy đi vào cuộc đời Phúc Kín tu trì như ước nguyện:

Bỏ áo thế gian, mặc áo Dòng

Cuộc đời trần thế, thế là xong.

(thơ Nguyễn Hữu Bài)

(21) Cũng như cụ Phan Bội Châu, một nhân vật chính trị nổi tiếng khác lúc bấy giờ tại Huế, cụ Huỳnh Thúc Kháng đều có bài tiễn biệt Phước Môn Nguyễn Hữu Bài đăng trên nhật báo Tiếng Dân.

Kinh đô Huế, ngày xa xưa ấy có hai chuyện thế hệ trước 1945 nhiều người còn nhắc lại:

Vua Khải Định băng hà, cụ Thái Văn Toản là một trong mười mấy người khiêng linh cửu vua Khải Định.

Phước Môn Quận Công Nguyễn Hữu Bài tạ thế, cụ Huỳnh Thúc Kháng vì tấm lòng mến mộ người quá cố, trong ngày tiễn biệt cuối cùng, đã ngồi bên cạnh linh cửu cụ Nguyễn Hữu Bài gần suốt đêm.

Câu chuyện hai cụ Nguyễn Hữu Bài và Huỳnh Thúc Kháng TSH biết được qua cụ Đình Hữu Uyên, một công chức cao cấp từ trước 1950, hiện ở tại Paris đường Cardinal Lemoine.

CHỨC Vị công sở địa danh

CHỨC Vị :

Đông Các điện Đại Học Sĩ Nguyễn Hữu Bài

Đông Cung Hoàng Thái Tử

Hồng Lộ Tự Thiếu Khanh

Hoàng Thái Hậu

Phụ Chánh thân thần An Thành Vương Miên Lịch

Phước Môn Bá Nguyễn Hữu Bài

Phước Môn Quận Công Nguyễn Hữu Bài

Phước Môn Tử Nguyễn Hữu Bài

Hộ bộ sự vụ

Tham Tri bộ Hình Nguyễn Hữu Bài

Thương Tá Thông Sự

Thị Lang bộ Lại, kiêm Tham Tá viện Cơ Mật.

Thừa Phái nha Thương Bạc

Viện Trưởng viện Cơ Mật Cơ Mật viện Viện Trưởng

văn thần Phò Mã

Người/ NHÓM :

đại thần

hộ giá

chính quyền Bảo hộ

Hội Đồng Phụ Chánh

Nam Triều

Nhà Nước

quan

sĩ nhân

thân thân

nơi chốn :

Cao-nguyên

Sàigòn

triều đình

triều đình Huế Nam Triều Trung Kỳ
Bắc Kỳ

Nam Kỳ

SỞ LÀM VIỆC :

bộ

điện

nha

tòa

văn phòng

viện Cơ Mật viện viện Cơ Mật

các tên gọi khác :

báo Tiếng Dân

đạo Công-giáo

Văn Hóa Nguyệt San

Nguyễn Hương